

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu
mua sắm vật tư y tế năm 2023-2024 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ quy định quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 04/3/2023 của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện các giải pháp bảo đảm thuốc, trang thiết bị y tế;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết về việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 quy định chi tiết về việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; Thông tư số 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với vật tư y tế thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế; Thông tư số 05/2022/TT-BYT ngày 01/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; Thông tư số 08/TT-BYT ngày 14/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc

bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành; Thông tư số 14/2023/TT-BYT ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định trình tự, thủ tục xây dựng giá gói thầu mua sắm hàng hóa và cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 118/2019/NQ-HĐND ngày 05/12/2019 của HĐND tỉnh Sơn La quy định về phân cấp quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Sơn La; Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 19/11/2021 của HĐND tỉnh Sơn La về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quy định về phân cấp quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Sơn La ban hành kèm theo Nghị quyết số 118/2019/NQ-HĐND ngày 05/12/2019 của HĐND tỉnh Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao quyền tự chủ tài chính các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh giai đoạn 2022-2026; Quyết định số 2556/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 của UBND tỉnh Sơn La ban hành quy định về quản lý điều hành ngân sách địa phương năm 2023; Quyết định số 2566/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Quyết định số 1846/QĐ-UBND ngày 20/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc phê duyệt mua sắm vật tư y tế năm 2023-2024 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 287/TTr-SYT ngày 17/10/2023; Báo cáo thẩm định ngày 11/10/2023 của Hội đồng xem xét đề nghị mua sắm, thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ, trang thiết bị y tế của các đơn vị trực thuộc Sở Y tế (Thành lập theo Quyết định số 857/QĐ-SYT ngày 14/7/2023 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Sơn La); Tờ trình số 84/TTr-BVĐKT ngày 02/10/2023 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu mua sắm vật tư y tế năm 2023-2024 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La (Chi tiết tại Phụ lục I, Phụ lục II kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Y tế có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan hướng dẫn Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La tổ chức thực hiện quy trình mua sắm đảm bảo theo đúng pháp luật quy định hiện hành và các văn bản quy định khác liên quan; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Chủ tịch UBND tỉnh về tính chuẩn xác, tính hợp pháp của các thông tin, số liệu về nội dung thẩm định, trình duyệt. Chủ động tổ chức thanh tra, kiểm tra để kịp thời phát hiện sai phạm (nếu có) báo cáo UBND tỉnh kịp thời để xem xét, quyết định.

2. Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đấu thầu, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ; Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2022 của Chính phủ; Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 04/3/2023 của Chính phủ; Thông tư số 08/2023/TT-BYT ngày 14/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế; Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các quy định hiện hành về đấu thầu. Chịu trách nhiệm toàn diện về hồ sơ, số liệu, nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm vật tư y tế trình Chủ tịch UBND tỉnh, các kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan giám sát việc thi hành pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Y tế, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KGVX_S.Hùng.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Tráng Thị Xuân

Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

STT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (VNĐ)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Mua sắm vật tư y tế năm 2023-2024 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La	37.038.826.139	Nguồn thu sự nghiệp của Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La năm 2023 (giao tại Quyết định số 1196/QĐ-SYT ngày 24/12/2022 của Sở Y tế)	Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng	Quý IV năm 2023	Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	Theo đơn giá cố định	365 ngày
2	Tư vấn lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu	88.000.000		Chỉ định thầu rút gọn	Quý IV năm 2023		Trọn gói	60 ngày
3	Tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu	40.000.000		Chỉ định thầu rút gọn	Quý IV năm 2023		Trọn gói	60 ngày
Tổng giá trị: 37.166.826.139 đồng (Bằng chữ: Ba mươi bảy tỷ, một trăm sáu mươi sáu triệu, tám trăm hai mươi sáu nghìn, một trăm ba mươi chín đồng./.). (Bao gồm cả thuế GTGT, chi phí vận chuyển, giao hàng đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La).								

Phụ lục II
DANH MỤC MUA SẴM VẬT TƯ Y TẾ NĂM 2023-2024

Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	N01.01.0 10	Bông thấm nước	Bông y tế thấm nước 100% bông xơ thiên nhiên. Bông trắng, không mùi, mềm mịn, dai, không bị toi và có độ thấm hút rất cao. Bông dạng dài, được cuộn thành cuộn chắc, đáp ứng yêu cầu của người sử dụng. Không độc tố và không gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tốc độ hút nước $\leq$ 5 giây. Độ acid và độ kiềm: Trung tính; Hàm lượng chất béo: Không vượt quá 0.5%. Các chất tan trong nước: $\leq$ 0,5%; Độ ẩm: $\leq$ 8%;	Trong nước	Kg	600	150.000	90.000.000	
2	N01.01.0 10	Bông thấm nước	Bông hút nước, đã loại mỡ (100% cotton), tẩy trắng và làm toi. - Tốc độ chìm: $\leq$ 8s - Khả năng hút nước: $\geq$ 100gr - Chất tan trong ether: $\leq$ 0,5% - Tro Sulfat: $\leq$ 0,4% - Ngâm trong dung dịch kẽm clorid-iod: sợi chuyển sang màu tím.	Trong nước	Kg	600	189.000	113.400.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
3	N01.01.0 10	Bông gạc đắp vết thương 6 x 15cm vô trùng	Nguyên liệu:, - vải không dệt Polyester và Rayon hoặc Polyester và Viscose, thấm nước, - sợi bông cotton 100%, hút nước, Quy cách: 6cm x 15cm Loại: tiệt trùng (bằng khí EO)	Trong nước	Cái	117.000	1.850	216.450.000	
4	N01.02.0 10	Cồn sát khuẩn tay nhanh dạng gel	Ethanol 77%; Isopropyl alcohol 2,2%; chất dưỡng da giữ ẩm, hương liệu vừa đủ 100%.	Trong nước	ml	220.000	123	27.060.000	
5	N01.02.0 10	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	Chlorhexidine Digluconate 0,5% (v/v); Ethanol 80% (v/v); Isopropyl alcohol (Isopropanol) 7.2% (v/v) và các chất phụ gia, chất dưỡng da (Glycerine, Alpha- Terpineol, Alpha-Bisabolol, Aloe Vera, Vitamin E...) vừa đủ 100%.	Trong nước	ml	300.000	123	36.900.000	
6	N01.02.0 10	Dung dịch rửa tay sát khuẩn	Chlorhexidine Digluconate 2% (w/w) và các chất phụ gia, chất dưỡng da (Glycerine, Alcohol Ethoxylates, Aloe Vera, Cocamide Diethanolamine, Vitamin E, Cocamidopropyl Betaine, Polyquatium 7, ...) vừa đủ 100%.	Trong nước	ml	200.000	152	30.400.000	
7	N01.02.0 10	Dung dịch rửa tay phẫu thuật Chlorhexidine 4%	Chlorhexidine Digluconate 4% (w/w) và các chất phụ gia, chất dưỡng da (Glycerine, Alcohol Ethoxylates, Alkyl Polyglycoside, Aloe Vera, Cocamide Diethanolamine, Vitamin E, Cocamidopropyl Betaine, Polyquatium 7 ...) vừa đủ 100%.	Trong nước	ml	156.000	186	29.016.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
8	N01.02.0 10	Dung dịch rửa tay thường quy	Hoạt chất: Chlorhexidine digluconate 2,0 % (w/w). Hệ dưỡng ẩm: Glycerine, PEG-7 Glyceryl Cocoate. Chất hoạt động bề mặt: Lauryl amine oxide, Cocamidopropylbetaine (CAB), Decyl glucoside... Chất khóa ion nước cứng: EDTA Disodium. Chất làm đặc, hương liệu.	Trong nước	ml	360.000	128	46.080.000	
9	N01.02.0 20	Cồn tuyệt đối	Nồng độ Ethanol 99,5 độ. Màu trong không có vẩn đục. Sát trùng ngoài da, tiệt trùng các dụng cụ y tế.	Trong nước	Lít	30	59.500	1.785.000	
10	N01.02.0 20	Cồn 90 độ	Nồng độ Ethanol 90 độ. Màu trong không có vẩn đục. Sát trùng ngoài da, tiệt trùng các dụng cụ y tế.	Trong nước	Lít	1.620	31.000	50.220.000	
11	N01.02.0 20	Cồn 70 độ	Nồng độ Ethanol 70 độ. Màu trong không có vẩn đục. Sát trùng ngoài da, tiệt trùng các dụng cụ y tế.	Trong nước	Lít	2.160	29.000	62.640.000	
12	N01.02.0 30	Dung dịch tiệt khuẩn dụng cụ nội soi, phẫu thuật và dụng cụ không chịu nhiệt/Cidex OPA	Thành phần: Ortho-phthaladhyde 0,55%, pH 7.2 - 7.8. Không gây ăn mòn dụng cụ. Thời gian ngâm khử khuẩn cấp cao cho dụng cụ là 5 phút, tái sử dụng trong vòng 14 ngày. Thời gian bảo quản dung dịch còn lại trong can là 75 ngày tính từ khi mở nắp. Tương thích với nhiều loại dụng cụ và vật liệu (kể cả Polystyrene, Cyanoacrylate), diệt được hầu hết các loại vi khuẩn, vi rút, Trùng khuẩn lao (kể cả	Nhập ngoại	Lít	756	271.164	204.999.984	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
			Mycobacterium bovis). Môi trường sử dụng không cần thông khí đặc biệt.						
13	N01.02.0 30	Dung dịch sát khuẩn mức độ cao	Glutaraldehyde 2,55 % (w/w), hệ đệm pH= 5-6. Hiệu quả sau thời gian ngâm tối thiểu 10 phút. Hiệu quả vi sinh (phase 2, step 2) Vi khuẩn : EN 14561 Nấm, mốc : EN 14562 Mycobacterium (Trực khuẩn lao): EN 14563 Tái sử dụng tối đa 30 ngày Tặng kèm test thử tương thích sản phẩm	Trong nước	Lít	900	71.400	64.260.000	
14	N01.02.0 30	Dung dịch khử nhiễm ban đầu dụng cụ nội khoa, ngoại khoa và dụng cụ nội soi	Hoạt chất: Didecyl dimethyl ammonium chloride (DDAC) 10% (w/w) , Poly(hexamethylenebiguanide) hydrochloride (PHMB) 1,5% (w/w).	Trong nước	ml	192.400	260	50.024.000	
15	N01.02.0 30	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ y tế hoạt tính enzyme CIDEZYME	-Dung dịch ngâm tẩy rửa dụng cụ hoạt tính enzyme, hiệu quả nhanh sau 1 phút. - pH trung tính không gây ăn mòn dụng cụ - Tương thích với nhiều loại dụng cụ	Nhập ngoại	Lít	78	678.000	52.884.000	
16	N01.02.0 40	Dung dịch phun khử khuẩn nhanh bề mặt	Didecyldimethylammonium chloride 0.1% (w/w); Chlorhexidine Digluconate 0.1% (w/w), Ethanol 30% (v/v) và các chất phụ gia vừa đủ 100%.	Trong nước	ml	324.000	147	47.628.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
17	N01.02.0 40	Vôi Soda	- Vôi soda sử dụng cho máy gây mê có chất chỉ thị màu, chuyển từ trắng sang tím để báo hiệu cần thay - Vôi soda có hình bán nguyệt để giảm khoảng trống, tăng tiết diện tiếp xúc giúp tối ưu khả năng hấp thụ khí CO₂, - Vôi soda rất ít bụi ngay cả khi ở trạng thái khô (kết quả được kiểm nghiệm bởi đơn vị độc lập) giúp bảo vệ thiết bị và bệnh nhân, - Vôi soda với thành phần chính gồm calcium hydroxide, natrium hydroxide, ethyl violet, nước, - Môi trường bảo quản từ -20 đến >50 độ C, độ ẩm 20 - 100%, - Vôi soda được bảo quản trong can 5L, hạn sử dụng 4 năm khi còn nguyên seal.	Nhập ngoại	Can	15	799.995	11.999.925	
18	N01.02.0 50	Dung dịch tẩy khuẩn màng lọc	Thành phần dung dịch chứa: - Peracetic acid: 5%; - Hydrogen Peroxide: 25% - Acetic Acid: 9% - Nước: 61% Công dụng: làm sạch và khử trùng màng lọc thận nhân tạo	Nhập ngoại	Lít	155	400.000	62.000.000	
19	N02.01.0 10	Băng bột bó 10 x 4,6	Băng bột được làm bằng 97% thạch cao nguyên chất, cotton dễ thấm hút nước màu trắng. Làm từ bột liên gạc, vỏ cuộn bột là túi nylon chống ẩm, lõi nhựa 4 cạnh có 2 cạnh phình to giúp thấm	Nhập ngoại	Cuộn	567	16.800	9.525.600	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
			nước đều và giữ băng bột. Thời gian nhúng nước 3 giây - 6 giây. Thời gian đông kết từ 2-4 phút. Bột đảm bảo độ mịn, độ cứng, không nứt gãy sau khi bó, không gây kích ứng da và cho tia X đi qua dễ dàng. Mỗi cuộn được đóng gói riêng biệt trong 01 túi cách nước.						
20	N02.01.0 10	Băng bột bó 15 x 4,6	Băng bột được làm bằng 97% thạch cao nguyên chất, cotton dễ thấm hút nước màu trắng. Làm từ bột liên gạc, vỏ cuộn bột là túi nylon chống ẩm, lõi nhựa 4 cạnh có 2 cạnh phình to giúp thấm nước đều và giữ băng bột. Thời gian nhúng nước 3 giây - 6 giây. Thời gian đông kết từ 2-4 phút. Bột đảm bảo độ mịn, độ cứng, không nứt gãy sau khi bó, không gây kích ứng da và cho tia X đi qua dễ dàng. Mỗi cuộn được đóng gói riêng biệt trong 01 túi cách nước.	Nhập ngoại	Cuộn	335	21.500	7.202.500	
21	N02.01.0 10	Băng bột bó 20 x 4,6	Băng bột được làm bằng 97% thạch cao nguyên chất, cotton dễ thấm hút nước màu trắng. Làm từ bột liên gạc, vỏ cuộn bột là túi nylon chống ẩm, lõi nhựa 4 cạnh có 2 cạnh phình to giúp thấm nước đều và giữ băng bột. Thời gian nhúng nước 3 giây - 6 giây. Thời gian đông kết từ 2-4 phút. Bột đảm bảo độ mịn, độ cứng, không nứt gãy sau khi bó, không gây kích ứng da và cho tia X đi qua dễ dàng. Mỗi cuộn được đóng gói riêng biệt trong 01 túi cách nước.	Nhập ngoại	Cuộn	36	24.000	864.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
22	N02.03.0 20	Gạc phẫu thuật 10 x 10cm x 8 lớp vô trùng	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Trọng lượng 25-27 g/m ² . Tẩy trắng bằng oxy già, không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ ngậm nước ≥ 5gr nước/1gr gạc. Chất tan trong nước < 0.5%. Độ pH: trung tính. Độ trắng: ≥ 80% +/- 10%. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. Được đóng gói bằng 2 lớp, một lớp bằng PE, một lớp bằng bao bì giấy có màu chỉ thị tiệt trùng dùng trong y tế.	Trong nước	Cái	164.000	572	93.808.000	
23	N02.03.0 20	Gạc phẫu thuật 10 x 10cm x 8 lớp vô trùng	- Gạc: Gạc hút 100% cotton, pH trung tính, không có tinh bột hoặc Dextrin, các chất tan trong nước: không quá 0,5%. Tốc độ hút nước không quá 10 giây. Mật độ: 26 x 21/ inch. Kích thước sợi: CD 32/1. Kích thước miếng gạc: 10cm x 10cm x 8 lớp - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	Trong nước	Miếng	164.000	735	120.540.000	
24	N02.04.0 40	Miếng cầm máu mũi	Kích thước 8cm x 1,5cm x 2cm, Khả năng thấm hút cao – lên tới 21 lần trọng lượng của nó trong chất lỏng. Thành phần: Hydroxilated Poly - Vinyl Acetate	Nhập ngoại	Miếng	100	136.000	13.600.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
25	N02.04.0 40	Miếng cầm máu tai	Kích thước 12cm x 24cm. Được thiết kế để điều trị bệnh viêm tai giữa. Mềm, thấm nước và giúp giữ thuốc kháng sinh trong ống tai. Thành phần: Hydroxilated Poly - Vinyl Acetate	Nhập ngoại	Miếng	100	142.000	14.200.000	
26	N03.01.0 10	Bơm cho ăn nhựa 50 ml	Nhựa nguyên sinh, không chứa DEHP, không chứa chất gây sốt. Đốc to lắp vừa dây cho ăn. Pít tông có khía bề gầy để hủy chống sử dụng lại. Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	Trong nước	Cái	10.000	4.400	44.000.000	
27	N03.01.0 10	Bơm cho ăn 50ml	- Xy lanh dung tích 50ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Đốc xy lanh to lắp vừa dây cho ăn và có nắp đậy. - Pít tông có khía bề gầy để hủy, không có ba vĩa. Núm đẩy có gờ tăng độ ma sát khi tiêm. - Gioăng bề mặt phẳng, di chuyển dễ dàng, khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng. + Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).	Trong nước	Cái	10.000	4.500	45.000.000	
28	N03.01.0 20	Bơm tiêm sử dụng một lần 1 ml	Nhựa y tế nguyên sinh. Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc. Pít tông có khía bề gầy để hủy. Vô trùng - không độc - không buốt - không có chất gây sốt - không DEHP (có phiếu kiểm nghiệm). Cờ kim 26G x 1/2" và 25G x 1". Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).	Trong nước	Cái	31.000	650	20.150.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
29	N03.01.0 20	Bơm tiêm 1ml	- Xy lanh dung tích 1ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Đốc xy lanh có thiết kế khóa vặn để khóa chặt kim (Luer lock). - Pít tông có khía bề gãy để hủy, không có ba vĩa - Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, bơm tiêm đạt khoảng chết $\leq 0.03\text{ml}$, khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng - Kim làm bằng thép không gỉ, sáng bóng, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Đường kính, độ dài kim phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế. Không bị gãy, không bị cong vênh. - Kim các cỡ. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. Nắp chụp kim chế tạo từ nhựa PP dùng trong y tế, khít bảo vệ đầu kim tốt. + Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).	Trong nước	Cái	26.000	700	18.200.000	
30	N03.01.0 20	Bơm tiêm 5ml	Đầu côn hoặc đầu xoắn, được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh. Pít tông có khía bề gãy để hủy. Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP, Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).	Trong nước	Cái	185.500	686	127.253.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
31	N03.01.0 20	Bơm tiêm 5ml	- Xy lanh dung tích 5ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Đốc xy lanh có thiết kế khóa vặn để khóa chặt kim (Luer lock). - Pít tông có khía bề gãy để hủy, không có ba vĩa - Kim làm bằng thép không gỉ, sáng bóng, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Đường kính, độ dài kim phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế. Không bị gãy, không bị cong vênh. - Kim các cỡ. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Nắp chụp kim chế tạo từ nhựa PP dùng trong y tế, khít bảo vệ đầu kim tốt. + Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	Trong nước	Cái	150.000	735	110.250.000	
32	N03.01.0 20	Bơm tiêm 10ml	- Đầu côn hoặc đầu xoắn, được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh. Pít tông có khía bề gãy để hủy. - Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP, Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).	Trong nước	Cái	300.000	1.050	315.000.000	
33	N03.01.0 20	Bơm tiêm 10ml	- Xy lanh dung tích 10ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.	Trong nước	Cái	416.000	1.050	436.800.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
			- Pít tông có khía bề gãy để hủy, không có ba vĩa - Kim làm bằng thép không gỉ, sáng bóng, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Đường kính, độ dài kim phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế. Không bị gãy, không bị cong vênh. - Kim các cỡ. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. Nắp chụp kim chế tạo từ nhựa PP dùng trong y tế, khít bảo vệ đầu kim tốt. + Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).						
34	N03.01.0 20	Bơm tiêm 20ml	Nhựa y tế nguyên sinh. Pít tông có khía bề gãy để hủy. Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP, Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).	Trong nước	Cái	60.000	1.940	116.400.000	
35	N03.01.0 20	Bơm tiêm 20ml	- Xy lanh dung tích 20ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khía bề gãy để hủy, không có ba vĩa. - Gioăng bề mặt phẳng, di chuyển dễ dàng, khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng. - Kim làm bằng thép không gỉ, sáng bóng, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Đường kính, độ dài kim phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế. Không bị gãy, không	Trong nước	Cái	90.000	2.100	189.000.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
			bị cong vênh. - Kim các cỡ. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. Nắp chụp kim chế tạo từ nhựa PP dùng trong y tế, khít bảo vệ đầu kim tốt. + Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).						
36	N03.01.0 20	Bơm tiêm 50ml	Nhựa y tế nguyên sinh. Pít tông có khía bề gây dễ hủy. Đốc nhỏ lắp vừa kim tiêm các số. Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP, Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).	Trong nước	Cái	33.000	4.400	145.200.000	
37	N03.01.0 20	Bơm tiêm 50ml	- Xy lanh dung tích 50ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. Đốc xy lanh nhỏ lắp vừa các cỡ kim, sử dụng được cho máy bơm tiêm điện. - Pít tông có khía bề gây dễ hủy, không có ba vĩa - Gioăng bề mặt phẳng, di chuyển dễ dàng, khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng. + Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).	Trong nước	Cái	4.000	4.500	18.000.000	
38	N03.01.0 60	Bơm tiêm Insulin các cỡ	Bơm tiêm 1ml kèm kim 30Gx1/2 dùng trích insulin, đường kính ngoài 0,31mm, chiều dài $12,9 \pm 0,2$ mm, có nắp chụp hình trụ tròn bảo vệ. Nắp chụp làm bằng nhựa y tế. Đầu kim có vát 3	Trong nước	Cái	1.000	1.650	1.650.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
			cạnh giúp tiêm sắc nhọn, không có gờ. Thân kim làm bằng thép không gỉ, có đủ độ cứng. Đốc kim được đúc liền với vỏ xylanh, thân kim không bị tuột khỏi đốc kim. Vô trùng - Không độc - Không gây sốt. Tiệt trùng bằng khí EO.						
39	N03.01.0 60	Bơm tiêm Insulin các cỡ	Bơm tiêm các cỡ: 28G, 29G, 30G, 31G. Thang đo rõ ràng, có thể kiểm soát thuốc dễ dàng; Kim thiết kế tinh tế, có thể giảm lực đâm vào da, đảm bảo tiêm trơn tru và phù hợp bệnh nhân tối đa. Ống kim được làm bằng vật liệu thép không gỉ Austenit. Bề mặt bên trong của vỏ bọc đầu kim, bề mặt bên ngoài của piston và ống kim được bôi trơn bằng polydimethylsiloxan	Nhập ngoại	Cái	1.000	1.200	1.200.000	
40	N03.02.0 20	Kim cánh bướm	Kim cánh bướm các số, gồm các chi tiết: kim truyền, dây dẫn, đầu nối dây dẫn, nắp đậy đầu nối, nắp chụp kim, cánh bướm. Dây dẫn dài ≥ 30 cm, được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, độ đàn hồi cao, không gây gập gãy khi bảo quản và sử dụng. Không chứa độc tố DEHP. Kim được sản xuất từ thép không gỉ, sắc nhọn vát 3 cạnh. 21G, 22G, 23G, 24G, 25G, 26G	Trong nước	Cái	30.000	1.365	40.950.000	
41	N03.02.0 20	Kim bướm	Đầu kim 3 mặt vát được tráng 1 lớp silicon. Đầu kim làm bằng vật liệu Crom- Nikel. Dây nối 30 cm, hóa dẻo bằng DEHT an toàn. Đầu khóa luer lock. Kích cỡ từ 19G đến 25G	Nhập ngoại	Cái	30.000	4.800	144.000.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
			G19: chiều dài kim 20mm, đường kính kim 1,1 mm, tốc độ chảy 43 ml/phút G21: chiều dài kim 20mm, đường kính kim 0,8 mm, tốc độ chảy 25 ml/phút G23: chiều dài kim 20mm, đường kính kim 0,65 mm, tốc độ chảy 11 ml/phút G25: chiều dài kim 15mm, đường kính kim 0,5 mm, tốc độ chảy 4 ml/phút						
42	N03.02.0 60	Kim lấy máu	- Kim: được làm bằng thép không gỉ mạ Crom hoặc Niken. Đầu kim vát 3 cạnh, sắc nhọn, có nắp chụp bảo vệ. Thân kim nhẵn, tròn đều, có đủ độ cứng cơ khí, không tạp chất bên trong, được phủ Silicone. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế. Đóng gói trong túi riêng, không có độc tố và chất gây sốt, không DEHP (có phiếu phân tích chất lượng).	Trong nước	Cái	2.000	395	790.000	
43	N03.02.0 60	Kim lấy thuốc các số	- Kim: được làm bằng thép không gỉ mạ Crom hoặc Niken. Đầu kim vát 3 cạnh, sắc nhọn, có nắp chụp bảo vệ. Thân kim nhẵn, tròn đều, có đủ độ cứng cơ khí, không tạp chất bên trong, được phủ Silicone. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế. Đóng gói trong túi riêng, không có độc tố và chất gây sốt, không DEHP (có phiếu phân tích chất lượng).	Trong nước	Cái	220.000	395	86.900.000	
44	N03.02.0 70	Kim luân tĩnh mạch (G18, G20, G22)	- Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau - Đầu kim 3 mặt vát. Tạo độ bén tối đa	Nhập ngoại	Cái	80.200	18.000	1.443.600.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
			- Cathether nhựa Có 4 đường cân quang ngầm. vật liệu FEP-Teflon. - Màng kị nước chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền. Kim luôn có cánh, có cửa - G18: Đường kính và độ dài catheter: 1.3mm x 45mm, tốc độ chảy 96ml/phút, Tốc độ chảy 5760 ml/giờ - G20: Đường kính và độ dài catheter: 1.1mm x 33mm, tốc độ chảy 61ml/phút, Tốc độ chảy 3660 ml/giờ - G22: Đường kính và độ dài catheter: 0.9mm x 25mm, tốc độ chảy 36ml/phút, Tốc độ chảy 2160 ml/giờ						
45	N03.02.0 70	Kim luôn tĩnh mạch an toàn các số 16G, 18G, 20G, 22G , 24G	• Kim luôn tĩnh mạch an toàn, có cánh, có cửa, cửa chích thuốc với nắp tự khóa để dễ dàng mở và đóng, có đầu bảo vệ bằng nhựa, 2 đường cân quang • Dụng cụ thân thiện, cơ chế an toàn tự kích hoạt. • Bộ phận an toàn tự động bao che phần sắc bén của kim sau khi rút kim ra khỏi chuôi, giảm thiểu tối đa nguy cơ kim đâm. • Nhận dạng dễ dàng của kim bảo vệ sau khi bao phủ kim mũi nhờ mã màu. • Kỹ thuật Cannulation tương tự như IV Cannulation thông thường. • Catheter ống kháng xoắn, chắn bức xạ đặc biệt, dễ truyền với lưu lượng tối ưu.	Nhập ngoại	Cái	77.000	13.440	1.034.880.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
			• Catheter sản xuất từ nguyên liệu sinh học tương thích cao giúp thời gian lưu kim dài hơn, đến 72 giờ • Nguyên liệu FEP • Tiệt trùng bằng khí EO • Thông số kỹ thuật: Size kim - lưu lượng dòng chảy 11004: 18Gx13/4": Ø 1.3/45mm - 100ml/min 11006: 20Gx11/4": Ø 1.1/32mm - 61ml/min 11007: 22Gx1": Ø 0.9/25mm - 36ml/min 11008: 24G x 3/4": Ø 0.7/19mm - 23ml/min						
46	N03.02.0 70	Kim luồn tĩnh mạch trẻ em, sơ sinh 24G	- Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay tròn bắt chéo nhau - Có vách ngăn chống máu trào ngược, sử dụng nhiều lần - Đầu kim vát 3 mặt (Tạo độ bén tối ưu) - Catheter nhựa Có 4 đường cân quang ngầm. vật liệu PUR - Màng kỵ nước chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền - Kim luồn có cánh, không cửa, tốc độ chảy 22ml/phút, tốc độ khi bơm áp lực cao lên tới 2,5-5ml/s - Đường kính và độ dài catheter: 0.7mm x 19mm	Nhập ngoại	Cái	60.000	18.000	1.080.000.000	
47	N03.03.0 70	Kim chọc dò gây tê tủy sống các số	Đầu kim Quinke 3 mặt vát dài 3 1/2" G18/ G20/ G22/ G25/ G27, sắc bén. Chuôi kim trong suốt, có lăng kính phản quang, giúp phát hiện nhanh	Nhập ngoại	Cái	5.000	25.000	125.000.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
			dịch não tủy chảy ra + Kim 18G 3½ : chiều dài: 88mm (3 ½ inch), đường kính: 1.3 mm + Kim 20G 3½ : chiều dài: 88mm (3 ½ inch), đường kính: 0.9 mm + Kim 22G 1½ : chiều dài: 40mm (1 ½ inch), đường kính: 0.7 mm + Kim 22G 3½ : chiều dài: 88mm (3 ½ inch), đường kính: 0.7 mm + Kim 25G 3½ : chiều dài: 88mm (3 ½ inch), đường kính: 0.5 mm + Kim 27G 3½ : chiều dài: 88mm (3 ½ inch), đường kính: 0.4 mm						
48	N03.03.0 70	Kim chọc dò gây tê tủy sống các số 18G, 20G,22G, 25G	Vật liệu thép không gỉ Đặc điểm: Kim thiết kế kiểu Quincke 3 mặt vát hướng xiên thuận tiện cho người dùng, thân kim có vạch đánh dấu độ sâu, chuôi kim trong suốt đảm phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra, đầu của nòng kim mã hóa màu theo kích cỡ, cánh có thể tháo rời để kiểm soát tốt hơn. - Đường kính kim từ 18G-> 27G. Chiều dài 90mm (31/2"). * Tiệt trùng EO, không độc hại, không pyrogenic	Nhập ngoại	Cái	5.000	20.000	100.000.000	
49	N03.03.0 80	Kim chạy thận 16G, 17G	Gồm có: - 1 kim 16G/17G, dài 25mm có thành siêu mỏng, được phủ silicone để ngăn chặn máu đông tụ. -1 cánh mã màu giúp phân biệt kích thước kim,	Nhập ngoại	Cái	20.000	6.800	136.000.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
			có 2 loại cánh cố định hoặc xoay. -1 kẹp khóa -1 đầu nối phù hợp với mọi bộ dây chạy thận -1 ống dây dài 30cm - 1 khe hở (backeye) ngay đầu kim, ngăn chặn bất ổn và tổn thương mô						
50	N03.03.0 80	Kim chạy thận	Kim cỡ 16G. Bao gồm loại cánh xoay và loại cánh không xoay. Thiết kế backeye. Chiều dài kim : 25 (mm). Thông số dây gắn với kim : rộng 3.2 x 5.0 x 300 mm. Kim làm bằng nhựa PVC, có khóa bảo vệ, độ tin cậy cao. Cánh có nhiều màu và mỗi màu có mã số riêng. Kim được bao bọc bằng silicone	Nhập ngoại	Cái	20.000	7.200	144.000.000	
51	N03.04.0 10	Kim châm cứu các loại, các cỡ	Kim châm cứu vô trùng dùng một lần, sử dụng dây thép không gỉ 06Cr19Ni10 được chỉ định trong GB/T 4240 "Dây thép không gỉ" làm vật liệu, kim thẳng, mịn màng và trôi chảy, đầy đủ độ đàn hồi tốt, độ dẻo dai, chống ăn mòn mạnh, độ hoàn thiện cao và cảm giác tay tuyệt vời: đầu kim có hình dạng mới lạ, độ đồng nhất tốt, độ sắc nét vừa phải, dễ luồn kim, không làm trầy xước kim ngoài da.	Nhập ngoại	Cái	200.000	500	100.000.000	
52	N03.05.0 10	Dây truyền dịch	- Dây dẫn: Dài 1500mm, được làm từ nhựa nguyên sinh PVC tráng silicon có độ đàn hồi cao. Chứng nhận đạt không có chất gây tan huyết. Có công tiêm thuốc thẳng cao su hoặc chữ Y. Đầu nối kim thiết kế khóa vặn để khóa chặt kim (Luer lock). Van thoát khí (van lọc khí): có	Trong nước	Bộ	142.000	4.400	624.800.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
			thiết kế màng lọc khuẩn 0.2µm vô khuẩn. Bầu đếm giọt dung tích ≥ 8.5ml. Đường kính ngoài 14.2mm - 14.5mm. Dài 45mm, có thành dày đều: 0.9mm. Có màng lọc dịch 15µm. - Kim: 21G x 1½, 22G x 1½", 23G x 1½", 22x3/4 và các cỡ khác theo yêu cầu. - Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).						
53	N03.05.0 40	Dây nối 75cm (dây chịu áp lực cao)	Dây nối bơm tiêm điện chất liệu nhựa y tế PVC với khóa kết nối, khóa bảo vệ, ống chống xoắn. Độ dài của dây nối là 75cm. Đường kính ngoài 1.9mm, đường kính trong 0.9 mm. Sản phẩm tiệt trùng bằng khí EO gas	Nhập ngoại	Cái	1.600	5.200	8.320.000	
54	N03.05.0 40	Dây nối 140cm (dây chịu áp lực cao)	Dây nối bơm tiêm điện chất liệu nhựa y tế PVC với khóa kết nối, khóa bảo vệ, ống chống xoắn. Độ dài của dây nối là 140cm. Đường kính ngoài 1.9mm, đường kính trong 0.9 mm. Sản phẩm tiệt trùng bằng khí EO gas	Nhập ngoại	Cái	30.500	5.500	167.750.000	
55	N03.05.0 40	Dây nối 150cm (dây chịu áp lực cao)	Dây nối bơm tiêm điện chất liệu nhựa y tế PVC với khóa kết nối, khóa bảo vệ, ống chống xoắn. Độ dài của dây nối là 150cm. Đường kính ngoài 1.9mm, đường kính trong 0.9 mm. Sản phẩm tiệt trùng bằng khí EO gas	Nhập ngoại	Cái	650	5.500	3.575.000	
56	N03.05.0 60	Khóa ba ngã có dây nối 10cm, 25 cm, 50cm	Khóa ba chạc dây nối dài 10cm, 25cm, chịu được áp suất lên tới 60 psi hoặc 4 bar có thể xoay 360 độ. Khóa ba chạc làm bằng chất liệu Polycarbonate, HDPE, PP. Dây nối làm bằng nhựa y tế PVC. Tiệt trùng bằng khí EO gas	Nhập ngoại	Cái	5.000	7.000	35.000.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
57	N03.06.0 20	Găng tay dài sản khoa	- Sản xuất từ latex cao su thiên nhiên - Màu trắng tự nhiên của cao su - Có phủ bột chống dính Kích thước: - Bề dày: min 0,15mm - Chiều dài: 490 ±10 mm - Chiều rộng lòng bàn tay: + Size 7: 89±5mm + Size 7 1/2: 95±5mm Cơ lý tính: - Lực kéo đứt: + Trước lão hóa: min 12,5N + Sau lão hóa: min 9,5N - Độ giãn dài khi đứt: + Trước lão hóa: min 700% + Sau lão hóa: min 550% Lỗ thủng: AQL 1.5	Trong nước	Đôi	900	14.000	12.600.000	
58	N03.06.0 30	Găng tay sử dụng trong thăm khám các cỡ	Chất liệu cao su tự nhiên, dùng được cả hai tay, bề mặt trơn, cổ tay se viền. Chiều dài 240mm, độ rộng 76mm±3mm – 113mm±3mm, độ dày ngón tay 0.14mm±0.03mm; độ dày lòng bàn tay 0.11mm±0.03mm. Độ kéo trước khi lão hóa: tối thiểu 18 Mpa, sau khi lão hóa: tối thiểu 14Mpa. Độ giãn đứt(trước lão hóa: Min 650%, sau lão hóa: min 500%).	Nhập ngoại	Đôi	300.000	1.575	472.500.000	
59	N03.06.0 30	Găng tay sử dụng trong thăm khám các cỡ	Được sản xuất từ cao su thiên nhiên và phủ bột chống dính - Độ dày tối thiểu 1 lớp: Vùng ngón tay: 0,11 mm ± 0,02 mm; Lòng bàn tay: 0,10 mm ± 0,02 mm; Độ dày cổ tay: 0.08mm. - Chiều dài: 240mm; Size S: 80mm ± 10 mm;	Trong nước	Đôi	260.000	1.250	325.000.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
			Size M: 95mm ± 10 mm Mức độ bột tối đa (nằm ở mặt trong chiếc găng): 10mg/dm ²						
60	N03.06.0 30	Găng tay không bột	Găng tay không bột.	Trong nước	Đôi	10.000	1.470	14.700.000	
61	N03.06.0 50	Găng tay vô trùng dùng trong thủ thuật, phẫu thuật các cỡ	Các kích cỡ: 6.5, 7.0, 7.5, 8.0. Chất liệu mủ cao su thiên nhiên. Tiệt trùng bằng khí EO. Có phủ bột chống dính, mức bột tối đa 15mg/dm ² . Độ dày ngón tay tối thiểu 0,14mm. Độ dày lòng bàn tay tối thiểu 0,12 mm. Độ dày cổ tay tối thiểu 0,10mm. Độ dài tối thiểu 270mm	Trong nước	Đôi	90.000	3.800	342.000.000	
62	N03.06.0 50	Găng tay vô trùng dùng trong thủ thuật, phẫu thuật các loại, các cỡ	Găng tay được sản xuất từ nguyên liệu cao su tự nhiên ly tâm hai lần Chiều dài: Size 6½: 275mm±5mm; Size 7; 7½ và 8: 282mm±7mm - Chiều rộng lòng bàn tay: Size 6½: 83mm±5mm; Size 7: 89mm±5mm; Size 7½: 95mm±5mm; Size 8: 102mm±6mm. - Chiều dày tối thiểu 1 lớp cho các cỡ: min 0.15mm÷0,20mm - Cường lực kéo đứt tối thiểu: Trước già hóa: 13.5N; Sau già hóa: 10.5N - Lực kéo tối đa tại độ giãn dài 300% trước khi già hóa nhanh: Max2,0N - Độ giãn đứt tối thiểu: Trước già hóa: 750%; Sau già hóa: min 600%. Hàm lượng Protein nhỏ hơn 200µg/g. Găng có	Trong nước	Đôi	78.000	4.900	382.200.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
			phủ bột chống dính (thành phần chính là bột ngô biến tính, loại có thể được dịch cơ thể hấp thụ đạt tiêu chuẩn dược điển Mỹ "USP"). Tiệt trùng bằng khí E.O						
63	N03.07.0 10	Dây cho ăn các số	Được sản xuất từ nhựa PVC y tế, dây mềm, 6Fr có chiều dài 500mm, 8Fr đến 18Fr có chiều dài 1.250 mm. Một đầu dây được gắn phễu có nắp đậy, đầu còn lại được bo tròn. Có 4 lỗ hình bầu dục nằm xen kẽ hai bên thành ống dây, mỗi lỗ cách nhau 20-25mm và lỗ thứ nhất cách đầu bo 30-35mm. Trên dây có vạch chuẩn cách đều nhau 1 khoảng là 100mm, vạch thứ nhất cách đầu bo 450mm. Mỗi dây được đóng vào 01 túi và được tiệt trùng bằng khí EO.	Trong nước	Cái	7.800	5.500	42.900.000	
64	N03.07.0 30	Túi máu đơn 250ml	Có cấu trúc gồm 1 túi dung tích 250ml Túi chứa 35ml dung dịch chống đông và bảo quản CPDA-1.	Trong nước	Cái	2.600	46.100	119.860.000	
65	N03.07.0 30	Túi camera nilon vô trùng	Túi camera vô trùng. Đóng gói bằng 2 lớp, một lớp bằng PE, một lớp bằng giấy; Tiệt trùng bằng khí EO gas.	Trong nước	Cái	5.000	5.500	27.500.000	
66	N03.07.0 60	Túi chứa nước tiêu 2000ml	- Sản xuất từ nhựa y tế PVC, không độc hại. - Kích cỡ 2000ml không có dây treo, độ dày 1.2mm, phân vạch rõ ràng. Có vạch dung tích mỗi 100ml. Đảm bảo kín không rò rỉ. - Van xả thoát đáy chữ T, chống trào ngược, ống đầu vào 90cm. - Có bảng ghi thông tin bệnh nhân.	Trong nước	Cái	6.500	6.000	39.000.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
			- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)						
67	N03.07.0 60	Túi nước tiểu	Túi đựng nước tiểu có dây treo làm bằng vật liệu nhựa PVC cao cấp, có khóa vặn $\frac{3}{4}$ vòng, dây dẫn dài 0.75 m, đường kính ngoài 6.8mm, đường kính van tháo dịch 9.2 mm; tính năng chống trào ngược có lỗ treo, không gây độc hại không gây kích ứng các vạch chia dung tích đều, giúp theo dõi hành trình bơm nước tiểu dễ dàng. Nắp xoáy trơn và khít không rò rỉ. Đóng gói từng cái một nhằm đảm bảo độ vô trùng, dễ bảo quản, dễ quan sát trước khi sử dụng.	Trong nước	Cái	8.000	5.500	44.000.000	
68	N03.07.0 60	Cassette dùng cho máy phẫu thuật Phaco	Cassette sử dụng cho máy phẫu thuật Phaco Laureate	Nhập ngoại	Cái	18	953.810	17.168.580	
69	N04.01.0 20	Ca - nuyon mở khí quản các số	• Khai mở khí quản với thiết kế có bóng trong có thể tháo rời để làm sạch, tránh nghẹt tắc đờm. • Chất liệu mềm không gây kích ứng và dễ thích nghi với nhiệt độ cơ thể giúp bệnh nhân cảm thấy thoải mái. • Tiệt trùng bằng khí EO	Nhập ngoại	Cái	210	81.165	17.044.650	
70	N04.01.0 30	Ống nội khí quản dùng 1 lần có bóng chèn	• Công dụng: được sử dụng để thông đường khí quản. • Sản xuất từ nhựa PVC không độc hại, trong suốt mềm mại, có đường cản quang chạy dọc thân ống, có bóng chèn. • Đóng gói riêng lẻ từng túi, các cỡ	Nhập ngoại	Bộ	4.670	13.000	60.710.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
71	N04.01.0 30	Ống nội khí quần dùm 1 lần không có bóng chèn	• Công dụng: được sử dụng để thông đường khí quản. • Sản xuất từ nhựa PVC không độc hại, trong suốt mềm mại, có đường cản quang chạy dọc thân ống. • Đóng gói riêng lẻ từng túi, các cỡ	Nhập ngoại	Bộ	1.000	13.000	13.000.000	
72	N04.01.0 80	Dây thở oxy 2 nhánh	- Chất liệu bằng nhựa PVC nguyên sinh, tiết khuẩn, không độc hại - Dây mềm. Thành trong lòng ống dây có hình sao có tác dụng chống không bị tắc nghẽn khí oxy khi ống dây bị đè bẹp hay bị gãy gập. Một đầu gắn phễu, một đầu gắn co 2 nhánh. Chiều dài dây thở oxy 2m - Tốc độ dòng chảy: 0.5-4l/phút - Size: Người lớn (L), trẻ em (S) - Tiết trùng bằng khí EO	Nhập ngoại	Cái	15.000	5.800	87.000.000	
73	N04.01.0 80	Dây thở ô- xy có mask	- Làm từ nhựa PVC nguyên sinh an toàn dẻo, mềm, trong suốt - Mặt nạ oxy gồm mặt nạ thở oxy có kẹp mũi có thể điều chỉnh và dây thun đeo, dây có chiều dài 2m, ống dây chống vặn xoắn - Mặt nạ đơn giản được sử dụng cho các bệnh nhân cần nhiều oxy hơn so với qua ống thông. Tốc độ dòng chảy cho mặt nạ đơn giản là từ 4 đến 8 LPM (4-8L/min) - Tiết trùng bằng khí EO - Gồm các size : XL, L, M, S	Nhập ngoại	Cái	40	11.900	476.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
74	N04.01.0 90	Bộ dẫn lưu bằng quang qua da	Cấu hình: 01 ống dẫn lưu; 01 kim chọc, 01 dao mỏ. Thông số kỹ thuật: dùng dẫn lưu làm bằng chất liệu Polyrethane, đường kính 6fr-16fr, dài 35cm	Nhập ngoại	Bộ	30	950.000	28.500.000	
75	N04.01.0 90	Dây hút đờm kín	Ống thông hút đờm nhót sử dụng 1 lần có kiểm soát, chất liệu PVC nguyên chất, dài 55 CM, có 2 mắt, tiết trùng bằng khí EO, được đóng gói bằng túi PE.	Nhập ngoại	Cái	10.000	2.300	23.000.000	
76	N04.01.0 90	Sonde foley 2 nhánh	Nguyên liệu: 100% cao su tiền lưu hóa với catheter được xử lý bằng dầu silicon y tế cao cấp. Kích thước đầu tip ngắn: 21-24mm giảm kích thích bàng quang, chiều dài tổng thể: 400mm, chiều dài phễu: 40mm, dung tích bóng chèn: 30ml.	Nhập ngoại	Cái	9.900	13.750	136.125.000	
77	N04.01.0 90	Sonde foley 3 nhánh	Nguyên liệu: 100% cao su tiền lưu hóa với catheter được xử lý bằng dầu silicon y tế cao cấp. Kích thước đầu tip ngắn: 21-24mm giảm kích thích bàng quang, chiều dài tổng thể: 400mm, chiều dài phễu: 40mm, dung tích bóng chèn: 30ml.	Nhập ngoại	Cái	540	16.500	8.910.000	
78	N04.01.0 90	Sonde hút nhót các số	• Được thiết kế để loại bỏ các chất nhót được tiết ra từ miệng, khí quản và dịch phế quản. • Làm từ chất liệu nhực PVC không độc hại, không gây kích ứng da dùng trong y tế. • Màu sắc: trong suốt hoặc mờ. • Đầu ống được mở ra với hai mắt bên. • Kiểu có sẵn: loại đầu nối đơn giản.	Nhập ngoại	Cái	10.000	2.500	25.000.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
			• Size: 6, 8, 10, 12, 14, 16, 18. • Chiều dài tiêu chuẩn: 50cm. • Phân loại: dây hút đàm không khóa.						
79	N04.01.0 90	Sonde hút nhót các số	Ống thông hút đờm nhót sử dụng 1 lần có kiểm soát, chất liệu PVC nguyên chất, dài 55 CM, có 2 mắt, tiết trùng bằng khí EO, được đóng gói bằng túi PE.	Nhập ngoại	Cái	10.000	2.300	23.000.000	
80	N04.01.0 90	Sonde jj loại đặt lâu 3 tháng	Sode JJ niệu quản các cỡ từ 4Fr-10Fr, Dài 120-300mm, được phủ lớp Hydrophilic	Nhập ngoại	Cái	650	180.000	117.000.000	
81	N04.01.0 90	Sonde JJ loại đặt lâu 6 tháng	Xông JJ được làm bằng chất liệu Carbothane Tecoflex USA, Các cỡ: 4,8Fr, 6Fr, 7Fr, độ dài 26cm, 28cm. Hai đầu mở, hình chữ J. Đặt trong cơ thể 6 tháng. Một bộ bao gồm: 1 xông JJ, 1 que đẩy, 1 chỉ rút, 1 kẹp (clamp).	Nhập ngoại	Cái	20	950.000	19.000.000	
82	N04.01.0 90	Sonde Nelaton các số	Bề mặt nhẵn và đầu nhọn cho phép chèn không tổn thương để nâng cao sự phù hợp của bệnh nhân - Chất liệu: nhựa PVC y tế hoặc mủ cao su tự nhiên - Có sẵn van cao su - Có sẵn lớp phủ ưa nước Mắt bên: - Ít sang chấn niêm mạc niệu đạo - Đường kính lớn hơn tối đa hóa dòng chảy của nước tiểu và giảm đông máu Kiểu: - 1 chiều Fr 06-30, trong đó: size Fr6 → Fr10 dài	Nhập ngoại	Cái	1.500	6.000	9.000.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
			300mm; size Fr12 → Fr30 dài 400mm - Có sẵn với đầu Coudé (tiemann): ống thông có đầu uốn cong 45 °, cho phép đi qua tuyến tiền liệt phì đại dễ dàng hơn - Thích hợp cho nam và nữ thông tiểu - Tiết trùng bằng khí EO						
83	N04.02.0 10	Bộ mở thông dạ dày qua da trực tiếp	1. Bộ kim khâu cố định da và dạ dày 2. Bộ kim PS mở thông dạ dày 3. Ống thông nuôi ăn dạ dày - Ống làm bằng silicone 100%, có bóng cố định ở đầu cuối ống có dung tích 10ml, Chiều dài 22,5cm - Ống thông nuôi ăn có kích thước 20Fr tạo lỗ nuôi ăn nhỏ hơn chế tối đa tổn thương da và dạ dày - Ống thông có 2 kênh, 01 kênh để bơm thức ăn có nắp đậy, 01 kênh có van một chiều để bơm nước vào bóng cho việc cố định bên trong dạ dày - Có miếng cố định để cố định ống thông nuôi ăn dạ dày, có chức năng khoá khi không bơm thức ăn	Trong nước	Bộ	8	3.000.000	24.000.000	
84	N04.02.0 30	Sonde dẫn lưu ô bụng	Chất liệu: nhựa PVC y tế Chiều dài khoảng 400 mm (±5%). Đường kính bên trong ống: 5,0mm và 7,0mm. Đường kính bên ngoài ống: 7,0mm và 10,0mm. Đã được tiệt trùng.	Trong nước	Cái	2.000	14.000	28.000.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
85	N04.02.0 40	Sonde chữ T	• Công dụng: Được sử dụng để thoát nước cho bệnh nhân bị viêm túi mật. • Làm từ cao su tự nhiên. • Các ống này đều có dải cản quang nằm dọc thân ống để dễ dàng xác định khi chụp X quang. • Phần kết nối có đường kính lớn hơn so với các bộ phận khác. • Size: 14, 16, 18, 20, 22, 24.	Nhập ngoại	Cái	50	19.000	950.000	
86	N04.02.0 60	Dây hút nhót không nắp	Các số 5, 6,8,10,12,14,16. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Độ dài 500mm. Gồm 2 loại có nắp hoặc không có nắp.	Trong nước	Cái	5.000	3.000	15.000.000	
87	N04.02.0 60	Dây hút nhót các số	Được sản xuất từ nhựa PVC y tế, dây mềm, có chiều dài 500 mm. Một đầu dây được gắn phễu, đầu còn lại được bo tròn. Có 02 lỗ hình bầu dục nằm đối xứng hai bên thành ống dây, cách đầu bo một khoảng lần lượt là 10 mm, 20mm. Mỗi dây được đóng vào 01 túi và được tiệt trùng bằng khí EO. Dây hút nhót các số: 6 - 8 - 10 - 12 - 14 - 16	Trong nước	Cái	6.000	2.900	17.400.000	
88	N04.02.0 70	Dây hút dịch	Các cỡ, bề ngoài thân ống dây dẫn có rãnh chống bẹp, dẻo dai và độ đàn hồi cao, chịu áp lực âm cao (-75kpa) không bị bóp méo	Trong nước	Bộ	6.500	10.000	65.000.000	
89	N04.02.0 70	Đầu hút dịch nhựa cứng	Chất liệu nhựa PVC y tế tráng silicon. Dài 1,5 mét, dùng 1 lần	Trong nước	Bộ	2.600	9.500	24.700.000	
90	N04.03.0 90	Dây thở dùng 1 lần 2 bể nước	Bộ dây thở loại gọn sóng vật liệu polyethylene (PE), gồm 5 đoạn, 4 đoạn dây 80cm mỗi đoạn, kèm dây limb nối dài 80cm vật liệu PE, 2 bể	Trong nước	Bộ	60	135.000	8.100.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
			nước trong suốt, co khuỷu xoay được, co chữ y có hai cổng luer và nắp đậy cố định. Đầu nối tiêu chuẩn 15 và 22 mm. Có co nối thẳng riêng 22mmM/22mmM, người lớn, dùng 1 lần						
91	N04.03.0 90	Sâu máy thở silicone dùng nhiều lần	Ống nối dây máy thở đa hướng vật liệu polypropylen (PP), chiều dài 15 cm (mở rộng), với thiết kế linh hoạt, ống dây đa hướng có thể co giãn và dễ dàng định hình. Co nối phía bệnh nhân có thể xoay tại 2 vị trí, có cổng lấy khí với nắp đậy cố định trên co nối. Đầu nối tiêu chuẩn 22mmF - 22mmF/15mmF, dùng 1 lần, tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde.	Trong nước	Cái	390	20.000	7.800.000	
92	N04.04.0 10	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng trẻ em	Kim dẫn đường sắc bén Dây kim loại dẫn đường mềm dẻo, tránh vặn xoắn, đầu chữ J giảm tổn thương khi luồn Có dao mổ và kim nong bằng nhựa Catheter bằng chất liệu polyurethan đường kính ngoài 6F, chiều dài 20cm, 1 nòng, kích cỡ nòng G14 Đầu nối catheter có valve 2 chiều, tránh nhiễm khuẩn Có dây cáp để định vị đầu catheter bằng sóng ECG.	Nhập ngoại	Cái	70	410.000	28.700.000	
93	N04.04.0 10	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng.	Kim dẫn chữ V sắc bén, có valve ngăn chặn máu trào ngược và tránh tắc mạch do khí Dây kim loại dẫn đường mềm dẻo, tránh vặn xoắn, đầu chữ J giảm tổn thương khi luồn	Nhập ngoại	Cái	390	750.000	292.500.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
			Có dao mổ và kim nong bằng nhựa Catheter bằng chất liệu polyurethan đường kính ngoài 7F, chiều dài 20cm, 2 nòng, D16/P16 Đầu nối catheter có valve 2 chiều, tránh nhiễm khuẩn Có dây cáp để định vị đầu catheter bằng sóng ECG.						
94	N04.04.0 10	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng.	Kim dẫn chữ V sắc bén, có valve ngăn chặn máu trào ngược và tránh tắc mạch do khí Dây kim loại dẫn đường mềm dẻo, tránh vặn xoắn, đầu chữ J giảm tổn thương khi luồn Có dao mổ và kim nong bằng nhựa Catheter bằng chất liệu polyurethan đường kính ngoài 7F, chiều dài 20cm, 3 nòng, kích cỡ nòng G16, G18, G18 Đầu nối catheter có valve 2 chiều, tránh nhiễm khuẩn Có dây cáp để định vị đầu catheter bằng sóng ECG.	Nhập ngoại	Cái	26	760.000	19.760.000	
95	N05.02.0 30	Chỉ Nylon số 5/0	Chất liệu Polyamide 6.6, vô trùng. Sợi chỉ tròn đều, co giãn tốt, mềm dẻo, dễ uốn, dễ thắt nút. Lực căng khi thắt nút cao. Kim bằng chất liệu thép không gỉ. Chỉ số 5/0, sợi chỉ dài 75cm, kim dài 24mm, 3/8 đường tròn. Chỉ được nhuộm màu xanh hay màu đen theo FDA	Nhập ngoại	Sợi	60	30.000	1.800.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
96	N05.02.0 30	Chỉ phẫu thuật mạch máu Polypropylene các số	Chỉ Polypropylene Rexlene đơn sợi số 2-0, 3-0, 4-0, 5-0 được cấu tạo từ các tinh thể Isotactic đồng phân lập thể của Polypropylene, dài 90cm, Kim được làm bằng thép không gỉ SUS 304 (18 – 20% Cr). Kim tròn 25MM, 2 kim 1/2, màu xanh lam giúp KTV dễ nhận biết trong quá trình phẫu thuật.	Nhập ngoại	Sợi	500	105.000	52.500.000	
97	N05.02.0 30	Chỉ Nylon không tiêu đơn sợi số 2/0, 3/0, 4/0	Chỉ Nylon Rexlon đơn sợi Polyamid 6&66 số 2-0, 3-0, 4-0 NB275I40, NB275I40, NB375I29, NB450H12 dài 75cm, kim 25mm, 3/8C đường tròn, kim tam giác, được tiệt trùng bằng khí EO, kim phủ silicon.	Nhập ngoại	Sợi	5.000	24.000	120.000.000	
98	N05.02.0 30	Chỉ Nylon không tiêu đơn sợi số 5/0, 6/0	Chỉ Nylon Rexlon đơn sợi Polyamid số 5-0, dài 75cm, kim 17mm, 3/8C đường tròn, kim tam giác, được tiệt trùng bằng khí EO, kim phủ silicon.	Nhập ngoại	Sợi	250	27.000	6.750.000	
99	N05.02.0 60	Chỉ phẫu thuật axit Polyglycolic (chỉ PGA) các số:	Chỉ phẫu thuật tiêu tổng hợp polyglycolic acid Rexasin sợi bền, phủ polycaprolactone và calcium stearate, không kháng nguyên và không có pyrogenic. Kim tròn, cứng chống đàn hồi, cong 1/2 vòng tròn, dài 40mm, chỉ dài 90cm. Duy trì 65% độ căng của chỉ sau 2 tuần, 35% sau 3 tuần, tiêu hoàn toàn trong khoảng từ 60 – 90 ngày	Nhập ngoại	Sợi	1.600	66.000	105.600.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
100	N05.02.0 60	Chỉ phẫu thuật Polyglactin 910 các số	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 (Glycolide-co lactide) số 1, 2/0, 3/0, 4/0, 5/0, dài 90CM, 75CM, Kim tròn, 1/2, màu tím, chiều dài kim 26mm, 17mm . Kim bằng thép không gỉ 304 (18-20% Crom). Chỉ được bao phủ bởi Poly (glycolide-co-lactide)(30/70) và Calcium Stearate. Duy trì 75% độ căng của chỉ sau 2 tuần, 50% sau 3 tuần, tiêu hoàn toàn trong khoảng từ 56 – 70 ngày.	Nhập ngoại	Sợi	12.000	66.000	792.000.000	
101	N05.02.0 60	Chỉ tiêu tổng hợp số 1 liên kim	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 (Glycolide-co lactide) số 1, dài 90CM, Kim tròn 40MM, 1/2, màu tím. Kim bằng thép không gỉ 304 (18-20% Crom). Chỉ được bao phủ bởi Poly (glycolide-co-lactide)(30/70) và Calcium Stearate Duy trì 75% độ căng của chỉ sau 2 tuần, 50% sau 3 tuần, tiêu hoàn toàn trong khoảng từ 56 – 70 ngày.	Nhập ngoại	Sợi	2.200	66.000	145.200.000	
102	N05.02.0 60	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bện số 2/0. chỉ liên kim	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 (Glycolide-co lactide) số 2-0, dài 75CM, Kim tròn 26MM, kim 1/2, màu tím. Kim bằng thép không gỉ 304 (18-20% Crom). Chỉ được bao phủ bởi Poly (glycolide-co-lactide)(30/70) và Calcium Stearate. Duy trì 75% độ căng của chỉ sau 2 tuần, 50% sau 3 tuần, tiêu hoàn toàn trong khoảng từ 56 – 70 ngày.	Nhập ngoại	Sợi	3.600	58.000	208.800.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
103	N05.02.0 60	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bện số 3/0 chỉ liền kim	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 (Glycolide-co lactide) số 3-0, dài 75CM, Kim tròn 26MM, kim 1/2, màu tím. Kim bằng thép không gỉ 304 (18-20% Crom). Chỉ được bao phủ bởi Poly (glycolide-co-lactide)(30/70) và Calcium Stearate. Duy trì 75% độ căng của chỉ sau 2 tuần, 50% sau 3 tuần, tiêu hoàn toàn trong khoảng từ 56-70 ngày	Nhập ngoại	Sợi	4.700	58.000	272.600.000	
104	N05.02.0 60	Chỉ tiêu nhanh tổng hợp đa sợi, sợi bện các số	Chỉ tiêu nhanh tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 (Glycolide-co lactide) số 2-0, dài 90CM, Kim tròn đầu tam giác, 36MM, 1/2 đường tròn, màu trắng. Kim bằng thép không gỉ 304 (18-20% Crom). Chỉ được bao phủ bởi Poly (glycolide-co-lactide)(30/70) và Calcium Stearate. Duy trì 50% sau 1 tuần, tiêu hoàn toàn trong khoảng từ 42 ngày.	Nhập ngoại	Sợi	1.300	67.000	87.100.000	
105	N05.03.0 30	Tay dao điện	Dùng cho máy đốt điện, máy cắt đốt. Tay dao cắt đốt 2 nút bấm, 3 châu, sử dụng 1 lần. Đóng gói vô trùng.	Nhập ngoại	Cái	6.000	45.000	270.000.000	
106	N05.03.0 40	Tay dao mổ siêu âm	Tay dao mổ siêu âm. 4 kích cỡ: 13 cm, 21 cm, 35 cm, 43 cm Đường kính tay dao: 5.5 mm Tương thích với máy Surgnova SC100E	Nhập ngoại	Cái	100	13.500.000	1.350.000.000	
107	N05.03.0 40	Dây dao siêu âm	Dây dao siêu âm với bộ đếm số lần sử dụng được đặt bên trong, có thể sử dụng lên tới 99 lần, tương thích với máy Surgnova SC100E	Nhập ngoại	Cái	10	49.000.000	490.000.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
108	N05.03.0 50	Dây cưa sọ não	Chiều dài 32cm hoặc 40cm. Chất liệu thép không gỉ.	Nhập ngoại	Cái	120	350.000	42.000.000	
109	N05.03.0 60	Lưỡi cắt nạo xoang cong	Loại cong, mặt cắt phía trên, dài 11cm, đường kính 4 mm tích hợp kênh hút, tưới rửa bên trong lưỡi cắt.	Nhập ngoại	Cái	5	4.150.000	20.750.000	
110	N05.03.0 60	Lưỡi cắt nạo xoang thẳng	Loại thẳng, mặt cắt phía trên, dài 11cm, đường kính 4 mm tích hợp kênh hút, tưới rửa bên trong lưỡi cắt.	Nhập ngoại	Cái	5	4.150.000	20.750.000	
111	N05.03.0 60	Lưỡi dao nạo VA	Loại cong, mặt cắt phía dưới, dài 11cm, đường kính 4 mm tích hợp kênh hút, tưới rửa bên trong lưỡi cắt	Nhập ngoại	Cái	5	4.550.000	22.750.000	
112	N05.03.0 80	Lưỡi dao mổ các số	Dao sắc. Chất liệu thép các bon, tiết trùng bằng tia gamma, các số 10, 11, 12, 15, 20, 21, 22.	Nhập ngoại	Cái	9.000	1.150	10.350.000	
113	N06.03.0 10	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, lọc UV, lọc ánh sáng xanh	Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu, Chất liệu Copolymer (Hydrophilic - Hydrophobic copolymer cấu tạo gồm 2-HEMA (2-hydroxyethyl Methacrylate) và EOEMA (2-ethyloxyethyl methacrylate) với 1 phân tử chromophore). Thiết kế 1 mảnh, Càng chữ C. Lọc tia UV. Góc càng 5 độ. Đường kính Optic 6.0mm, Phi cầu, Optic Thiết kế với công nghệ rìa vuông hai lần (double square edge). Chiều dài kính 12.5mm. Chỉ số khúc xạ 1.46. Dải công suất 0.00D đến +30.00D. Hãng số A: 118.3. Độ sâu tiền phòng: 5.14. Chỉ số Abbe: 46.94.	Nhập ngoại	Cái	15	3.000.000	45.000.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
			Độ dày trung tâm (chỉ số SA): $\leq -0.14 \mu\text{m}$. Kèm cartridge và dụng cụ đặt thủy tinh thể Accuject Pro 1.8mm - 1P sử dụng một lần Thực hiện qua vết mổ $\leq 2.2\text{mm}$						
114	N06.03.0 10	Thủy tinh thể nhân tạo mềm một mảnh đơn tiêu cự	- Mô tả: Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đơn tiêu, 4 càng - Kích cỡ: Optic 6mm, tổng chiều dài 10.75mm - Chất liệu : Copolymer (được tạo ra Hydrophilic – Hydrophobic, cấu tạo gồm 2-HEMA(2-hydroxyethyl Methacrylate) và EOEMA(2-ethyloxyethyl methacrylate) với 1 phân tử chromophore) - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Thiết kế một mảnh dạng hình đĩa với 4 haptic cặp đôi tạo thành 4 điểm tựa Lọc tia UV Thiết kế với công nghệ rìa vuông hai lần (double square edge). Góc càng 5 độ Optic dạng phi cầu đôi (Aspheric Biconvex) Hằng số A:118.6 cho dãy độ từ 0D đến +30D và A:119.9 cho dãy độ từ -3D đến -1D Độ sâu tiền phòng: 5.32 cho dãy độ từ 0D đến +30D và độ sâu tiền phòng: 6.08 cho dãy độ từ -3D đến -1D Chỉ số SA: -0,14μm Chỉ số khúc xạ: 1.46 ở 35 độ C	Nhập ngoại	Cái	30	3.000.000	90.000.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
			Chỉ số Abbe: 46.94 Dải công suất từ -3D đến +40D; từ -3D đến +10D: tăng dần 1D, từ +10D đến +30D tăng đều 0.5D, từ +30D đến +40D tăng đều 1D. Kèm cartridge và dụng cụ đặt thủy tinh thể Accuject Pro 1.8mm - 1P sử dụng một lần Thực hiện qua vết mổ $\leq 2.2\text{mm}$						
115	N06.03.0 10	Thủy tinh thể nhân tạo	- Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu mềm 1 mảnh _chất liệu Acrylic kị nước + chromophore. - Lọc tia cực tím. Lọc ánh sáng xanh bước sóng từ 400-475nm. - Chỉ số khúc xạ 1.55. - Thiết kế phi cầu mặt sau. Đường kính optic 6mm, chiều dài 13mm. Góc càng 0 độ. - Optic thiết kế cạnh vuông, càng và optic được thiết kế liền một mảnh cùng chất liệu. - Đặt qua vết mổ nhỏ 2.2mm. Kèm cartridge. - Dây Diop: +6.0D đến +30D(mỗi 0.5D).	Nhập ngoại	Cái	200	3.490.000	698.000.000	
116	N06.03.0 10	Thủy tinh thể nhân tạo điều chỉnh loạn thị	- Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu mềm 1 mảnh điều chỉnh loạn thị chất liệu Acrylic kị nước + chromophore. - Lọc tia cực tím. Lọc ánh sáng xanh bước sóng từ 400-475nm. - Chỉ số khúc xạ 1.55. - Thiết kế phi cầu mặt trước, hình xuyên ở mặt sau. Đường kính optic 6mm, chiều dài 13mm. Góc càng 0 độ.	Nhập ngoại	Cái	20	9.333.000	186.660.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
			- Optic thiết kế cạnh vuông, càng và optic được thiết kế liền một mảnh cùng chất liệu. - Công suất trụ 1.5 - 6.0D. - Đặt qua vết mổ nhỏ 2.2mm. Kèm cartridge. - Dây Diop: +6.0D đến +30D.						
117	N06.03.0 10	Thủy tinh thể nhân tạo treo	Thủy tinh thể nhân tạo cứng 01 mảnh chất liệu PMMA dùng khâu củng mạc, đường kính optic 7 mm, chiều dài 12.5mm.	Nhập ngoại	Cái	60	1.000.000	60.000.000	
118	N06.04.0 20	Miếng ghép đĩa đệm lưng	Chất liệu: PEEK. Loại thẳng, độ uốn gồm tối thiểu các loại 0 độ, 4 độ, 8 độ. Chiều rộng từ 9 - 11mm. Chiều dài từ 22 - 27mm. Chiều cao từ 7 - 16mm.	Nhập ngoại	Cái	10	7.150.000	71.500.000	
119	N06.04.0 20	Miếng ghép đĩa đệm (cột sống cổ kèm vít)	Thiết kế có răng. Chất liệu: PEEK và hợp kim Titanium Ti6Al4V Eli hoặc tương đương. Kích cỡ gồm tối thiểu các loại: 12x14, 13x14, 14x14, 15x14, 16x14, 14x16, 15x16, 16x16, 17x16, 18x16, 19x16, 18x19mm. Độ cao từ 4mm - 12mm. Vít khóa tự taro đường kính 2.5mm và 3mm, chiều dài thân vít từ 12mm - 20mm.	Nhập ngoại	Cái	5	14.500.000	72.500.000	
120	N06.04.0 20	Miếng ghép đĩa đệm cột sống cổ	Thiết kế có răng. Chất liệu PEEK. Chiều cao: từ 4mm - 16mm. Chiều dài x rộng gồm tối thiểu các loại: 12x14 và 14x16mm.	Nhập ngoại	Cái	30	7.800.000	234.000.000	
121	N06.04.0 51	Khớp háng toàn phần không xi măng H-MAX S	Chuôi khớp: Thiết kế có rãnh ngang chống lún, rãnh dọc chống xoay. Đầu gần thiết kế tự khóa chữ V - Chất liệu: Bên ngoài phủ lớp HA	Nhập ngoại	Bộ	10	63.000.000	630.000.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
		DELTA PF	Hydroxyapatite độ dày 55 micromet , bên trong là Titanium 6Al-4V (Ti6Al4V). - Góc cổ chuỗi (CCD): 131 - 134 độ. - Có 11 kích cỡ (stem size): 8-18 tương ứng với chiều dài 130mm - 180mm với bước tăng chiều dài 5mm , với bước tăng chiều rộng +1mm , bước tăng độ dày +0,5mm Chỏm khớp: Taper12/14, -Chất liệu AISI316/L hoặc CoCrMo - Có các đường kính :28, 32, 36mm với các kích cỡ (S-M-L-XL) Ổ cối (Shell): 'Chất liệu Poro-Ti 175 micromet và HydroxyapatiteHA (Hydroxyapatite) 55 micromet , độ xốp 20% - 40% - Kích cỡ: 12 kích cỡ từ 44 - 66 (bước tăng 2 mm), có 3 lỗ bắt vít Lớp đệm: Chất liệu UHMWPE X_LIMA+Ti6Al4V -Thiết kế Chốt dễ dàng gắn liền với Cup; tránh rủi ro sai lệch với Cup. - Bờ chống trật. Vít xương : Vít xương chất liệu Titanium (Ti6Al4V) Đường kính 6,5mm dài 20 đến 40mm, bước tăng là 5mm - Đóng gói tiệt trùng từng cái/hộp						

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
122	N06.04.0 51	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, góc cổ chuôi 130 độ, Ceramic on PE có vitamin E (kích thước chôm 28/32/36)	1. Ổ cối không xi măng: làm bằng hợp kim Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) được phun Titanium Plasma (TiPlasma) nhám và phủ HA. Ổ cối có 14 cỡ từ 44mm - 70mm với bước chuyển 2mm. Vít ổ cối bằng Titanium dài 15-50mm. 2. Lớp lót: bằng Polyethylene Crosslink siêu bền có bổ sung vitamin E. Lớp lót có 2 dạng (0° và 20°) Đường kính trong 28mm, 32mm, 36mm. 3. Chôm xương đùi Ceramic: có hình cầu, taper 12/14 và các cỡ: 28mm (-2.5mm, +1mm, +4mm), 32mm (-3mm, +1mm, +5mm; +8mm) và chỏm lớn 36mm (-3mm, +1mm, +5mm; +9mm). 4. Chuôi xương đùi: chất liệu Titanium Alloy (Ti-6Al-4V), phun Titanium Plasma nhám. - Các cỡ từ #00 đến #14 tương ứng với độ rộng bề ngang từ 23.6mm đến 43.5mm - Góc cổ thân 130 độ với đầu taper 12/14 có 2 sự lựa chọn offset thông thường (có 15 cỡ từ 00 - 14 dài từ 114mm -161mm) và offset dài (có 15 cỡ dài từ 0-14 dài từ 120-161 mm).	Nhập ngoại	Bộ	5	63.800.000	319.000.000	
123	N06.04.0 51	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, góc cổ chuôi 130 độ, Metal on PE	1. Ổ cối không xi măng: làm bằng hợp kim Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) được phun Titanium Plasma (TiPlasma) nhám và phủ HA. Ổ cối có 14 cỡ từ 44mm - 70mm với bước chuyển 2mm. Vít ổ cối bằng Titanium dài 15-50mm.	Nhập ngoại	Bộ	5	55.000.000	275.000.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
		có vitamin E (kích thước chỏm 28/32/36)	2. Lớp lót: bằng Polyethylene Crosslink siêu bền có bổ sung vitamin E. Lớp lót có 2 dạng (0° và 20°) Đường kính trong 28mm, 32mm, 36mm. 3. Chỏm xương đùi: bằng Cobalt Chrome siêu nhẵn; kích thước 28mm (-3mm, +0mm, +2,5mm, +5mm, +7.5mm, +10mm), 32mm (-3mm, +0mm, +2.5mm, +5mm, +7.5mm, +10mm) và chỏm lớn 36mm (-3mm, +0mm, +5mm, +10mm) với taper 12/14. 4. Chuôi xương đùi: chất liệu Titanium Alloy (Ti-6Al-4V), phun Titanium Plasma nhám. - Các cỡ từ #00 đến #14 tương ứng với độ rộng bề ngang từ 23.6mm đến 43.5mm - Góc cổ thân 130 độ với đầu taper 12/14 có 2 sự lựa chọn offset thông thường (có 15 cỡ từ 00 - 14 dài từ 114mm -161mm) và offset dài (có 15 cỡ dài từ 0-14 dài từ 120-161 mm).						
124	N06.04.0 52	Khớp háng bán phần không xi măng H-MAX S Bipolar tự định tâm	Cuống xương đùi: Thiết kế có rãnh ngang chống lún, rãnh dọc chống xoay . Đầu gần thiết kế tự khóa chữ V - Chất liệu: Bên ngoài phủ lớp HA Hydroxyapatite độ dày 55 micromet , bên trong là Titanium 6Al-4V (Ti6A14V). - Góc cổ chuôi (CCD): 131 - 134 độ. - Có 11 kích cỡ (stem size): 8-18 tương ứng với chiều dài 130mm - 180mm với bước tăng chiều dài 5mm , với bước tăng chiều rộng +1mm ,	Nhập ngoại	Bộ	10	49.000.000	490.000.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
			bước tăng độ dày +0,5mm Đầu xương đùi : Taper12/14, chất liệu CoCrMo - Kích cỡ (Size): 22 ,28, 32, 36mm (S-M-L-XL) Đầu lưỡnng cực: Có các đường kính từ 38 đến 57mm - Góc xoay (range of motion (ROM)) lên tới 76 độ. Vòng khóa khớp kín chống trật khớp. - Chất liệu : CoCrMo + UHMWPE nằm cố định với khóa chống trật đầu xương đùi.						
125	N06.04.0 52	Bộ khớp háng bán phần Bipolar II - Chuôi không xi măng, góc cổ chuôi 130 độ	1. Chỏm bán phần : có mặt ngoài bằng Cobalt Chrome. Đường kính ngoài từ 38mm đến 56mm, đường kính trong 22.2mm hoặc 28mm. 2. Chỏm xương đùi: bằng chất liệu Cobalt Chrome; kích thước 22.2mm (+0mm, +3mm, +6mm, +9mm), 28mm (-3mm, +0mm, +2,5mm, +5mm, +7.5mm, +10mm) với taper 12/14. 3. Chuôi xương đùi: chất liệu Titanium Alloy (Ti-6Al-4V), phun Titanium Plasma nhám. - Các cỡ từ #00 đến #14 tương ứng với độ rộng bề ngang từ 23.6mm đến 43.5mm - Góc cổ thân 130 độ với đầu taper 12/14 có 2 sự lựa chọn offset thông thường (có 15 cỡ từ 00 - 14 dài từ 114mm -161mm) và offset dài (có 15 cỡ dài từ 0-14 dài từ 120-161 mm).	Nhập ngoại	Bộ	7	39.790.000	278.530.000	
126	N06.04.0 52	Bộ khớp háng bán phần Bipolar II -	1. Chỏm bán phần : có mặt ngoài bằng Cobalt Chrome. Đường kính ngoài từ 38mm đến 56mm, đường kính trong 22.2mm hoặc 28mm.	Nhập ngoại	Bộ	7	58.290.000	408.030.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
		Chuôi dài không xi măng, góc cổ chuôi 130 độ	2. Chỏm xương đùi: bằng chất liệu Cobalt Chrome; kích thước 22.2mm (+0mm, +3mm, +6mm, +9mm), 28mm (-3mm, +0mm, +2,5mm, +5mm, +7.5mm, +10mm) với taper 12/14. 3. Chuôi dài không xi măng: bằng vật liệu Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) phun Titanium Plasma nhám toàn thân, góc cổ thân 130°, taper 12/14. Chuôi có 2 dạng: dạng thẳng có chiều dài 180mm với 7 cỡ đường kính đầu xa (từ 11mm-18mm) và dạng cong có chiều dài 230mm, có 7 cỡ đường kính đầu xa (từ 11mm-18mm) với mỗi bên trái, phải.						
127	N06.04.0 53	Bộ khớp gối toàn phần có xi măng, vitamin E bảo tồn xương tối đa	1. Lõi cầu đùi: bằng Cobalt Chrome(CoCr) cứng và nhẵn, độ dày cạnh 9mm, mặt trước nghiêng 5°, độ gập gối tối đa 155°. Có 13 cỡ mỗi bên trái, phải, độ rộng trong ngoài từ 56mm-82mm và độ rộng trước sau từ 52mm-76mm. 2. Lớp lót: bằng Polyethylene Crosslink cao phân tử liên kết chéo bổ sung vitamin E (E-XPE) . Lớp lót có độ dốc sau 5° . Có 5 độ dày 9mm, 11mm, 13mm, 15mm, 18mm. 3. Mâm chày: bằng hợp kim Titanium Alloy (Ti-6Al-4V). Chân mâm chày dài 33mm-42mm. Có 8 cỡ từ 0-7, không phân biệt trái-phải, với độ rộng trong ngoài: 60mm-84mm và độ rộng trước sau: 39.5mm-58.5mm. 4. Bánh chèo: bằng Polyethylene Crosslink cao	Nhập ngoại	Bộ	3	58.000.000	174.000.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
			phân tử (XPE), dạng vòm có 3 chân (Peg) cố định. Có 7 cỡ với các đường kính 26mm-44mm ứng với độ dày 7mm, 8mm, 8.5mm, 9mm, 9.5mm, 10mm, 10.5mm. 5. Cement xương: PMMA có độ quán trọng bình(01 gói).						
128	N07.01.2 00	Đầu thắt tĩnh mạch thực quản	Đầu thắt được làm từ chất liệu: cao su +nhựa + chỉ, với thiết kế 1 đầu thắt gồm 6 vòng thắt, đường kính đầu thắt: 9.5 mm - 11.2 mm dành cho người lớn, đường kính đầu thắt: 8 mm - 9.5 mm dành cho trẻ em.	Nhập ngoại	Bộ	10	800.000	8.000.000	
129	N07.01.2 70	Dây dẫn đường vắn các cỡ	Dây dẫn đường mềm Cobratitanium được làm bằng chất liệu Nitinol, phủ hydrophyllic, đầu siêu linh hoạt, có màu vàng đen, đường kính từ 0.0032-0.038 inch, dài 150cm.	Nhập ngoại	Cái	5	2.780.000	13.900.000	
130	N07.01.5 00	Phim khô y tế dùng cho chụp X-quang 20x25cm (8x10 inch)	- Phim khô Laser cỡ 8x10 inch - Phim khô được xử lý nhiệt - Thành phần chính gồm 90-99% Polyethylene terephthalate, <1% chất phụ gia, <1% chất kết dính - Độ dày nền PET: $\geq 170 \mu\text{m}$	Nhập ngoại	Tờ	31.300	17.000	532.100.000	
131	N07.01.5 00	Phim khô y tế dùng cho chụp X-quang 25x30cm (10x12 inch)	- Phim khô Laser cỡ 10x12 inch - Phim khô được xử lý nhiệt - Thành phần chính gồm 90-99% Polyethylene terephthalate, <1% chất phụ gia, <1% chất kết dính - Độ dày nền PET: $\geq 170 \mu\text{m}$	Nhập ngoại	Tờ	41.200	22.700	935.240.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
132	N07.01.5 00	Phim khô y tế dùng cho chụp X-quang 35x43cm (14x17 inch)	- Phim khô Laser cỡ 14x17 inch - Phim khô được xử lý nhiệt - Thành phần chính gồm 90-99% Polyethylene terephthalate, <1% chất phụ gia, <1% chất kết đính - Độ dày nền PET: $\geq 170 \mu\text{m}$	Nhập ngoại	Tờ	22.800	37.002	843.645.600	
133	N07.01.5 00	Phim X-Quang Laser số hoá 20x25 cm	- Phim chụp laser được thiết kế để ghi lại chuỗi các hình ảnh cho nhiều phương thức chụp khác nhau bao gồm: chụp cắt lớp vi tính, chụp cắt lớp kỹ thuật số, chụp cộng hưởng từ, y học hạt nhân, siêu âm, chụp X quang, chụp X quang kỹ thuật số và hình ảnh phim số hóa. - Phim chụp laser được phủ lớp nền hỗ trợ polyester màu xanh lam với kích thước xấp xỉ 7 mil.	Nhập ngoại	Tờ	11.250	18.400	207.000.000	
134	N07.01.5 00	Phim X-Quang Laser số hoá 25x30 cm	- Phim chụp laser được thiết kế để ghi lại chuỗi các hình ảnh cho nhiều phương thức chụp khác nhau bao gồm: chụp cắt lớp vi tính, chụp cắt lớp kỹ thuật số, chụp cộng hưởng từ, y học hạt nhân, siêu âm, chụp X quang, chụp X quang kỹ thuật số và hình ảnh phim số hóa. - Phim chụp laser được phủ lớp nền hỗ trợ polyester màu xanh lam với kích thước xấp xỉ 7 mil.	Nhập ngoại	Tờ	16.000	27.840	445.440.000	
135	N07.01.5 00	Phim X-Quang Laser số hoá 35x43 cm	- Phim chụp laser được thiết kế để ghi lại chuỗi các hình ảnh cho nhiều phương thức chụp khác nhau bao gồm: chụp cắt lớp vi tính, chụp cắt lớp	Nhập ngoại	Tờ	7.500	43.920	329.400.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
			kỹ thuật số, chụp cộng hưởng từ, y học hạt nhân, siêu âm, chụp X quang, chụp X quang kỹ thuật số và hình ảnh phim số hóa. - Phim chụp laser được phủ lớp nền hỗ trợ polyester màu xanh lam với kích thước xấp xỉ 7 mil.						
136	N04.03.0 20	Bộ dây chạy thận nhân tạo	Bộ dây thẩm tách máu có cấu tạo sản phẩm gồm 2 phần chính : Động mạch và Tĩnh mạch. 1. Động mạch: kèm theo : - Cổng tiêm thuốc - Cổng truyền dịch - Nhánh đo áp lực áp lực động mạch (PA) có khóa 2. Tĩnh mạch: kèm theo - Cổng tiêm thuốc - Bầu chứa loại trung gồm lưới lọc bên trong bầu - Nhánh đo áp lực tĩnh mạch (PV) có khóa Ống dây được làm bằng vật liệu PVC theo tiêu chuẩn y tế	Nhập ngoại	Bộ	5.000	55.000	275.000.000	
137	N07.02.0 60	Bộ quả lọc máu liên tục	Quả lọc máu liên tục kèm bộ dây dẫn: Chất liệu • Màng lọc: dạng sợi rỗng AN69 (Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer) • Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate • Vách đầu quả lọc: Polyurethane • Ống dẫn: plasticized polyvinyl chloride (PVC) • Cartridge: PETG • Phương pháp tiệt trùng: EtO (ethylene oxide) Thông số kỹ thuật của quả lọc • Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): 500/66,6 Thể tích máu trong quả lọc (±10%): 152 ml Diện tích màng: 0,9m ² Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 240µm	Nhập ngoại	Bộ	100	7.300.000	730.000.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
			Độ dày thành sợi lọc: 50µm						
138	N07.02.0 60	Bộ quả lọc máu liên tục có gắn heparin	Quả lọc máu liên tục có gắn Heparin kèm bộ dây dẫn có 3 chức năng: loại bỏ Cytokine, loại bỏ nội độc tố, lọc máu liên tục (loại bỏ dịch và độc tố Urê huyết) Chất liệu: • Màng lọc cấu tạo 3 lớp: - Sợi rỗng AN69 (Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer): giúp hấp phụ các Cytokine - PolyethyleneImine (PEI): giúp hấp phụ Nội độc tố - Bề mặt sợi lọc được gắn heparin (4500+/-1500 IU/m²): giảm khả năng tạo huyết khối ở màng • Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate • Vách đầu quả lọc: Polyurethane • Ống dẫn: plasticized polyvinyl chloride (PVC) • Cartridge: PETG • Phương pháp tiệt trùng: EtO (ethylene oxide) Thông số kỹ thuật của quả lọc • TMP tối đa* (mmHg/kPa): 450/60 • Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): 500/66,6 Thể tích máu trong quả lọc (±10%): 193 ml Diện tích màng: 1,5m² Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 240µm Độ dày thành sợi lọc: 50µm	Nhập ngoại	Bộ	20	17.100.000	342.000.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
139	N07.02.0 40	Quả lọc trao đổi huyết tương	Quả lọc trao đổi huyết tương được kết nối sẵn với bộ dây dẫn: Thể tích máu của cả bộ quả lọc $\pm 10\%$: 127 ml Diện tích màng: 0,35 m ² Chất liệu màng lọc dạng sợi rỗng: Polypropylene Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 330 μ m Độ dày thành sợi lọc: 150 μ m Thể tích máu trong quả lọc huyết tương: 41 ml $\pm 10\%$ Tốc độ máu tối thiểu: 100ml/min Tốc độ máu tối đa: 400ml/min	Nhập ngoại	Bộ	16	11.900.000	190.400.000	
140	N07.02.0 50	Quả lọc máu hấp phụ điều trị suy thận mạn	Vật liệu vỏ Polycarbonate. Vật liệu hấp phụ: Double Cross-linked Styrene-divinylbenzene Copolymer. Thể tích hấp phụ: 130mL. Thể tích khoảng máu: 110mL. Diện tích hấp phụ: 52.000m ² . Lưu lượng máu tối đa: 250mL/phút. Nội trở tối đa 4kPa. Áp suất chịu đựng tối đa 100kPa. Độ chịu lực của hạt: 8,1N. Dải hấp phụ: 5~30kDa. Phương thức khử trùng: Tia Gamma. Dung dịch bảo quản: Nước tiêm vô trùng. Năng lực hấp phụ: PTH: 53.4%; MG: 44.7%; Creatinine: 85%; protein toxins: 42%; IL-6: 21.8%~31.5%	Nhập ngoại	Bộ	500	2.579.577	1.289.788.500	
141	N07.02.0 50	Dây nối quả hấp phụ máu và quả lọc	Chất liệu: nhựa PVC y tế không gây kích ứng đối với cơ thể. Mặt trong thành ống trơn nhẵn đủ để làm giảm sức cản và tạo bọt của máu. Ống dây mềm đảm bảo dòng chảy của máu bên trong. Dễ	Nhập ngoại	Bộ	500	32.790	16.395.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
			lắp vào các loại máy. Kích thước dây: đường kính trong là 4,4mm, đường kính ngoài là 6,7mm, độ dài dây là 800mm						
142	N04.03.0 20	Dây lọc máu thận nhân tạo	1 bộ dây gồm dây động mạch, dây tĩnh mạch và dây safeline. Chất liệu dây: PVC Không chứa thành phần cao su tự nhiên. Không có DEHP	Nhập ngoại	Bộ	450	270.000	121.500.000	
143	N07.02.0 70	Quả lọc thận màng High Flux	- High flux - Chất liệu màng: Helixon Plus® (Polysulfone-PVP blend) - Diện tích màng: 1,6m² - Chất liệu vỏ bọc: polypropylene - Thể tích mỗi: 95ml - Độ thanh thải ở tốc độ máu 300ml/phút: Urea 285, Creatinin 271, Inulin 144, Cytocrome C 131 - Hệ số siêu lọc (được đo trên máu người): 46 (ml/h x mmHg) - Hệ số sàng lọc: Beta2microglobulin (B2M)=0,9 - Albumin <0,001 - Phương pháp tiệt trùng: hơi nước trong lòng sợi Inline steam	Nhập ngoại	Quả	450	520.000	234.000.000	
144	N07.02.0 70	Quả lọc máu thận nhân tạo	Màng lọc thận Low Flux; chất liệu: pha trộn Polysulfone- PVP. Chất liệu vỏ màng Polycarbonate; tiệt khuẩn bằng tia Gamma; Tính tương thích sinh học cao, giảm bạch cầu và tiểu cầu ở mức tối thiểu. Diện tích bề mặt 1,5 m ² , Thể tích mỗi : 90 ml ,	Nhập ngoại	Quả	2.000	291.900	583.800.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
			Hệ số siêu lọc =9.8 ml/h/mmHg Độ thanh thải Urea: 189ml/ phút; creatinine: 173ml/ phút, vitamin B12: 83ml/ phút (khi Qb= 200ml/ phút, Qd= 500ml/ phút, Qf=0ml/ phút) Áp lực TMP tối đa : 600 mmHg.						
145	N07.02.0 70	Quả lọc thận nhân tạo	Chất liệu màng : Purema Polyethersulfone Chất liệu vỏ quả: Polycarbonate/ Polyurethane Hệ số siêu lọc là 16 Diện tích màng 1,5 m2 Với tốc độ bơm máu : 200 ml/min thì hệ số lọc: Urea: 192, Creatinine: 182, Phosphate: 164, Vitamin B12: 105, Với tốc độ bơm máu 300ml/min thì hệ số lọc: Urea: 258, Creatinine: 231, Phosphate: 202. Vitamin B12: 119. Với tốc độ bơm máu: 400 ml/min thì hệ số lọc: Urea: 298, Creatinine: 260, Phosphate: 223,Vitamin B12: 126. Độ dày của màng: 35, Đường kính trong: 200, Hệ số truyền tải: 930, Thể tích mỗi: 85ml	Nhập ngoại	Quả	2.400	320.000	768.000.000	
146	N07.02.0 60	Quả lọc dịch (Quả lọc nước)	Chất liệu màng: Fresenius Polysulfone ® (Polysulfone). Diện tích màng: 2.2 (m2). Thông số lọc: 5mL/min mm HG (3.75L/min bar; max. 2 bar)	Nhập ngoại	Quả	10	2.500.000	25.000.000	
147	N07.04.0 40	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng dùng trong mổ	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng dùng trong mổ mở các cỡ 60, 80mm -Kích thước dụng cụ: 254×72 mm	Nhập ngoại	Cái	6	4.700.000	28.200.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
		mở 60mm, 80mm	- Nút bắn được thiết kế điều chỉnh hai bên. - Nút tháo mở được thiết kế nhỏ gọn, thuận tiện cho việc tháo lắp. - Một tay súng có thể sử dụng cho 8 băng đạn. - Tích hợp với các băng đạn cùng hãng sản xuất.						
148	N07.04.0 40	Dụng cụ cắt trĩ phương pháp Longo	Dụng cụ khâu cắt nối tự động dạng vòng dùng trong phẫu thuật khâu cắt trĩ: - Cỡ 33 mm/ 34 mm, buồng chứa dịch trong suốt, thiết kế an toàn kép, điều trị bệnh trĩ theo phương pháp Longo. - Thể tích buồng chứa mô lớn đến 27cc - Đường kính lòng cắt 26 mm, 34 ghim dập, chất liệu kim bằng Titanium, số lượng ghim tương ứng với đường kính ngoài là ± 1. - Chiều cao ghim mở 3.8 mm, tự động điều chỉnh chiều cao ghim đóng từ 0.75-1.5 mm. - Các bộ phận đi kèm: 01 ống nong hình tròn, 01 ống nong hình cánh bướm, 01 ống tạo mũi túi, 01 ống đẩy búi trĩ và 01 cây kéo chỉ.	Nhập ngoại	Cái	50	5.870.000	293.500.000	
149	N07.04.0 40	Dụng cụ khâu cắt nối tròn các cỡ.	Dụng cụ khâu cắt nối tròn dùng khâu nối ống tiêu hóa đường kính 29mm, 32mm, có đầu đe nghiêng 90 độ, chiều cao ghim trước khi đóng 4,8mm, 5,0mm, sau khi đóng 2,0mm, 2,2mm, Số lượng ghim 24 ghim, 30 ghim	Nhập ngoại	Cái	6	7.686.800	46.120.800	
150	N07.04.0 40	Dụng cụ khâu cắt nối nội soi	Dụng cụ khâu cắt nối nội soi đa năng: - Gập góc 45° liên tục không khác mỗi bên	Nhập ngoại	Cái	6	4.989.000	29.934.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
		đa năng	(non-stop articulating lever). Có nút xoay 360°. - Thao tác kẹp mô linh hoạt, đóng hàm bằng đạn bằng cách bóp cò và mở hàm bằng đạn bằng cách gạt ngược cò súng. - Dụng cụ tích hợp được với tất cả các loại băng đạn nội soi thẳng/nghiêng cùng hãng sản xuất.						
151	N07.04.1 00	Rọ lấy sỏi tiết niệu	- Dùng để lấy sỏi niệu quản, thận, loại dùng một lần - Đường kính 4Fr, chiều dài 90cm, loại 4 dây, tay cầm dạng trượt dễ dàng thao tác không mỏi tay khi sử dụng lâu - Nguyên liệu: Rọ và dây làm bằng chất liệu Nitinol, Ống làm bằng PTFE. tay cầm sử dụng 3 ngón tay	Nhập ngoại	Cái	31	1.940.000	60.140.000	
152	N07.05.0 10	Băng đạn cho dụng cụ khâu cắt nối thẳng dùng trong mổ mở có chiều dài 60mm	Băng đạn dùng cho dụng cụ khâu cắt nối thẳng mổ mở: - Thiết kế với công nghệ kẹp mô tăng cường (extra grip). - Chiều dài đường dao cắt tương ứng: 60 mm/ 80mm - Chiều dài đường ghim: 64 mm - Số lượng ghim: 64 ghim, 2 hàng ghim mỗi bên. - Chiều cao ghim trước khi đóng 3.8/ 4.8mm và sau khi đóng 1.5/ 2.0 mm. - Lưỡi dao mới trong mỗi băng đạn. - Ghim dập bằng titanium.	Nhập ngoại	Cái	20	1.150.000	23.000.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
			- Tương thích với tay súng cùng hãng sản xuất.						
153	N07.05.0 10	Băng đạn cho dụng cụ khâu cắt nối thẳng dùng trong mổ hở có chiều dài 80mm	Băng đạn dùng cho dụng cụ khâu cắt nối thẳng mở mở: - Thiết kế với công nghệ kẹp mô tăng cường (extra grip). - Chiều dài đường dao cắt tương ứng 60 mm/ 80mm - Chiều dài đường ghim: 64 mm - Số lượng ghim: 64 ghim, 2 hàng ghim mỗi bên. - Chiều cao ghim trước khi đóng 3.8/ 4.8 mm và sau khi đóng 1.5/ 2.0 mm. - Lưỡi dao mới trong mỗi băng đạn. - Ghim dập bằng titanium. - Tương thích với tay súng cùng hãng sản xuất.	Nhập ngoại	Cái	20	1.150.000	23.000.000	
154	N07.05.0 10	Băng đạn khâu cắt nối thẳng dùng trong mổ nội soi với thiết kế 3 chiều cao ghim dập khác nhau trong mỗi băng đạn	Băng đạn dùng cho dụng cụ khâu cắt nối nội soi đa năng công nghệ P3H với thiết kế 3 chiều cao ghim đóng từ thấp đến cao trong cùng 1 băng đạn theo thứ tự: - Chiều cao ghim đóng: + 0.75mm-1.0mm-1.25 mm tương ứng với chiều cao ghim mở 2.0mm-2.5mm-3.0mm trong cùng 1 băng đạn dùng cho mạch máu, mô mỏng đến mô trung bình. + 1.25mm-1.5mm-1.75mm tương ứng với chiều cao ghim mở 3.0mm-3.5mm-4.0 mm trong cùng 1 băng đạn dùng cho mô trung bình đến mô dày.	Nhập ngoại	Cái	20	3.868.000	77.360.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
			- Dao cắt mới trên mỗi băng đạn - Ghim dập bằng titanium, 6 hàng ghim - Chiều dài băng đạn 30mm/ 45mm/ 60mm. - Tương thích với tay súng cùng hãng sản xuất.						
155	N07.05.0 10	Băng đạn đầu móc khâu cắt nối thẳng dùng trong mô nội soi với thiết kế 3 chiều cao ghim dập khác nhau trong mỗi băng đạn	Băng đạn đầu móc dùng cho dụng cụ khâu cắt nối nội soi đa năng công nghệ P3H với thiết kế 3 chiều cao ghim đóng từ thấp đến cao trong cùng 1 băng đạn theo thứ tự: - Chiều cao ghim đóng: 0.75mm-1.0mm-1.25 mm tương ứng với chiều cao ghim mở 2.0mm-2.5mm-3.0mm trong cùng 1 băng đạn dùng cho mạch máu, mô mỏng đến mô trung bình. - Thiết kế đầu móc (curved tip) thuận tiện thao tác trên mạch máu. - Dao cắt mới trên mỗi băng đạn - Ghim dập bằng titanium, 6 hàng ghim. - Chiều dài băng đạn 30mm/ 45mm. - Tương thích với tay súng cùng hãng sản xuất.	Nhập ngoại	Cái	20	4.250.000	85.000.000	
156	N07.05.0 20	Bộ dẫn lưu thận qua da	Bộ dẫn lưu thận qua da bao gồm: 1 dao rạch, 1 đầu kết nối túi nước tiểu, 1 kim chiba. Size 6/7/8Fr có 3 que nong dài 20cm phủ hydrophilic, Size 9/10/12/14Fr có 4 que nong dài 20cm phủ hydrophilic; 1 dây dẫn hướng đầu cong dài 80cm, Catheter dài 35cm phủ hydrophilic.	Nhập ngoại	Bộ	30	2.200.000	66.000.000	
157	N07.05.0 90	Điện cực cắt đốt hình vòng (Ăng cắt hình	- Lưỡi cắt nội soi tiền liệt tuyến đơn cực 1 chân hoặc 2 chân, cỡ 24Fr - Dùng cho hệ thống nội soi tiết niệu Karl	Nhập ngoại	Chiếc	30	1.119.000	33.570.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
		vòng)	Storz.						
158	N07.05.0 90	Điện cực đốt hình cầu, đơn cực	Điện cực đốt cầm máu đầu hình cầu, đường kính 3 mm, 24/26 Fr.	Nhập ngoại	Chiếc	1	2.015.000	2.015.000	
159	N07.01.2 70	Guide cứng phủ Hydrophylic, 0.035, dài 80cm	Dây dẫn với lớp phủ Polyurethane và lớp phủ ưa nước. Quả với bộ chuyển đổi tiêm. Bao bì vô trùng. Thiết lập một con đường vào niệu quản trong các thủ tục nội tiết (nội soi niệu quản, đặt stent niệu quản, giới thiệu một ống thông niệu quản, vv)	Nhập ngoại	Cái	4	2.150.000	8.600.000	
160	N07.01.2 70	Guide mềm, đầu cong, phủ Hydrophylic, 0.035, dài 150cm	Dây dẫn với lớp phủ Polyurethane và lớp phủ ưa nước. Quả với bộ chuyển đổi tiêm. Bao bì vô trùng. Thiết lập một con đường vào niệu quản trong các thủ tục nội tiết (nội soi niệu quản, đặt stent niệu quản, giới thiệu một ống thông niệu quản, vv)	Nhập ngoại	Cái	4	3.500.000	14.000.000	
161	N07.06.0 30	Bộ dụng cụ đồ xi măng cột sống loại có bóng	Bao gồm: 1 bộ wire-pin dẫn đường + 1 kim nong và 1 kim tù troca , thước đo taro hình mũi khoan+ 1 bộ xylanh bơm phồng bóng + 1 kim bơm bóng+ 03 kim đẩy và nhồi xi măng. - Kim bơm bóng có chiều dài : 10mm, 15mm, 20mm. - Bộ xylanh bơm phồng bóng gồm: đồng hồ đo áp lực, pittong co ren gắn với tay cầm và khóa gạt. - Kim đẩy và nhồi xi có khả năng làm đầy lên	Nhập ngoại	Bộ	15	50.400.000	756.000.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
			tới 6cc S5M Kít: Được thiết kế để trộn và bơm xi măng giúp kiểm soát và đo lường trong quá trình bơm xi măng cho 1/4 vòng với áp suất lên đến 120 bar và dung lượng lên đến 10cc. - Bộ S5M kit gồm: 1 ống lắc (dùng để trộn xi măng)+ 1 quả bóng kim loại (giúp chặn đầu ống lắc xi khi trộn xi)+ 1 súng bắn xi (có khả năng kiểm soát và đo lường lượng trong quá trình bơm xi măng) + 1 phễu (đổ xi dễ dàng) + 1 kênh dẫn xi măng khi xi đi ra khỏi đầu phun của súng. Kim bơm bóng có chiều dài : 10mm, 15mm, 20mm. Tiết diện nhỏ, cho phép đặt vào đúng vị trí trong đốt sống và tạo thành khoảng trống trong khoang đốt sống Kim vát có kích cỡ 11Gx125 và 13Gx125 dùng để chọc dò Xi măng cho phép thời gian làm việc lên đến 20 phút ở nhiệt độ 20 độ C						
162	N07.06.030	Bộ bơm xi măng tạo hình thân đốt sống có bóng đơn	- Xi măng, bộ trộn: Bao gồm 20g xi măng, 9,4g chất lỏng dung môi, lọ trộn. Thành phần xi măng: Polymethymethacrylate 67,50%; Barium sulphate 30%; Benzoyl peroxide 2,5% Thành phần dung môi: Methylmethacrylate 99,10%; N,N-dimethyl-p-toluidine 0,90%; Hydroquinone 75p - 01 cái kim chọc dò: Bao gồm mũi khoan và	Nhập ngoại	Bộ	5	29.150.000	145.750.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
			ống thông, giúp tạo đường vào qua cuống sống. Mũi khoan có loại đường kính 3.0mm, 3.5mm. Ống thông có loại đường kính 3.5mm, 4.2mm - 01cái bóng nong thân đốt sống: Bóng nong thân đốt sống có các loại kích cỡ 10mm, 15mm, 20mm. Có thể chịu áp lực tối đa $\geq 300\text{psi}$ Độ nhám $\leq 1.6\mu\text{m}$ - 01cái xilanh bơm phồng bóng có đồng hồ đo áp lực: Chiều dài dây 600mm, áp suất 30 atm, thể tích xy lanh 20ml Đồng hồ hiển thị tối đa 40 ATM, tay cầm chữ T tích hợp lẫy khóa để kiểm soát dễ dàng, mỗi vòng xoay là 0.5ml chính xác và an toàn - 01cái dụng cụ taro (mũi khoan): Mũi khoan giúp mở rộng không gian trong thân đốt sống, có loại đường kính 3.5mm, 3.0mm - 04 cái kim chọc bơm xi măng: Kim chọc bơm xi măng, có loại đường kính : 3.0mm, 3.5mm						
163	N07.06.0 30	Bộ bơm xi măng tạo hình thân đốt sống không bóng	- Xi măng và ống trộn: Bao gồm 20g xi măng, 9,4g chất lỏng dung môi, lọ trộn. Thành phần xi măng: Polymethymethacrylate 67,50%; Barium sulphate 30%; Benzoyl peroxide 2,5% Thành phần dung môi: Methylmethacrylate 99,10%; N,N-dimethyl-p-toluidine 0,90%; Hydroquinone 75ppm. - 02 cái kim chọc dò: Đầu vát, đường kính ngoài	Nhập ngoại	Bộ	10	18.300.000	183.000.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
			2.5/ 3.0 mm, đường kính trong 1.8/ 2.5 mm; Dài 115mm. Chất liệu 06Cr19Ni10 PC hoặc ABS; Đóng gói tiệt trùng - 01 cái Bơm áp lực bơm xi măng vào thân đốt sống: Dụng cụ để đưa xi măng vào thân đốt sống, rút ngắn thời gian làm thủ thuật Lượng bơm xi măng chính xác và có thể kiểm soát						
164	N07.06.0 40	Vít đa trục	- Vật liệu: Hợp kim Titanium - Công nghệ cánh ren ngược - Vít có đường kính: 4.0 đến 8.5mm, chiều dài từ 20 - 65mm - Khoảng cách giữa 2 bước ren 2.82mm - Chiều cao mũ vít 16.1mm - Chiều rộng phần mũ vít trượt trên thanh dọc 9.2mm - Chiều rộng phần mũ vít phần song song với thanh dọc 10.65mm - Chiều rộng phần mũ vít phần vuông góc với thanh dọc 11.4mm - Góc nghiêng tối đa giữa mũ vít và thân vít là 28 độ. - Có thể phân biệt kích thước vít bằng màu sắc - Đồng bộ với nẹp dọc đường kính 5.5mm và vít khóa trong tự gãy có chiều dài ban đầu là 13.13mm	Nhập ngoại	Cái	500	5.200.000	2.600.000.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
165	N07.06.0 40	Vít ốc khóa trong	- Vật liệu: hợp kim Titanium - Tự gây khi vặn đủ lực. - Được thiết kế cánh ren ngược - Tổng chiều dài của vít khóa trong trước khi bẻ: 13.13mm - Khoảng cách giữa 2 bước ren 1.0 mm - Chiều dài của phần vít khóa trong sau khi bẻ: 4.65mm - Đồng bộ với vít đa trục/đơn trục và nẹp dọc đường kính 5.5mm	Nhập ngoại	Cái	500	1.200.000	600.000.000	
166	N07.06.0 40	Nẹp cầm 4 lỗ cho vít 2.0	Chất liệu bằng titanium, 4 lỗ cho vít 2.0. Dùng để nẹp cầm	Nhập ngoại	Cái	20	1.472.000	29.440.000	
167	N07.06.0 40	Nẹp cổ lõi trước 1 tầng	Cố định cột sống cổ lõi trước 1 tầng: có 4 vít lỗ trên thân nẹp, có cửa sổ để quan sát miếng ghép/ xương ghép. Chất liệu: hợp kim titanium Ti6al4v Eli hoặc tương đương. Chiều dày nẹp: 2mm. Chiều rộng nẹp: khoảng 18mm. Chiều dài nẹp khoảng từ 20mm đến 36mm. Sử dụng vít đường kính: 4.0mm, 4.5mm. Có vòng chặn giúp vít không bị dịch chuyển.	Nhập ngoại	Cái	10	4.200.000	42.000.000	
168	N07.06.0 40	Nẹp cổ lõi trước 2 tầng	Cố định cột sống cổ lõi trước 2 tầng: có 6 vít lỗ trên thân nẹp, có cửa sổ để quan sát miếng ghép/ xương ghép. Chất liệu: hợp kim titanium Ti6al4v Eli hoặc tương đương. Chiều dày nẹp: 2mm. Chiều rộng nẹp: khoảng 18mm. Chiều dài nẹp: khoảng từ 38mm đến 56mm. Sử dụng vít đường kính: 4.0mm, 4.5mm. Có vòng chặn khiến vít	Nhập ngoại	Cái	10	8.200.000	82.000.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
			không bị dịch chuyển.						
169	N07.06.0 40	Nẹp dọc (Thanh dọc)	-Nẹp dọc cứng đường kính 5,5mm: - Chất liệu: Hợp kim Titanium - Dài 500mm, trong đó 494mm hình trụ tròn và đầu 6mm hình lục lăng dùng để xoay nẹp. - Có 2 đường kẻ dọc để đánh dấu khi xoay	Nhập ngoại	Cái	200	1.500.000	300.000.000	
170	N07.06.0 40	Nẹp dọc cổ sau	Thanh nẹp dọc cổ sau, loại thanh thẳng dùng trong cổ lồng sau - Chất liệu: hợp kim titanium Ti6al4v Eli - Đường kính: 3,5mm/4,0mm - Chiều dài: 30-400 mm	Nhập ngoại	Cái	40	1.500.000	60.000.000	
171	N07.06.0 40	Nẹp mặt 6 lỗ, bắc cầu dài cho vít 2.0	Độ dày nẹp 1.0mm màu xám, chất liệu Titanium độ 3 TS-3-2 (tiêu chuẩn ASTM-F67) ;	Nhập ngoại	Cái	120	840.000	100.800.000	
172	N07.06.0 40	Nẹp mặt thẳng 6 lỗ cho vít 2.0	Độ dày nẹp 1.0mm màu xám, chất liệu Titanium độ 3 TS-3-2 (tiêu chuẩn ASTM-F67) ;	Nhập ngoại	Cái	26	840.000	21.840.000	
173	N07.06.0 40	Nẹp mặt chữ L 4 lỗ cho vít 2.0	Độ dày nẹp 1.0mm màu xám, chất liệu Titanium độ 3 TS-3-2 (tiêu chuẩn ASTM-F67) ;	Nhập ngoại	Cái	29	840.000	24.360.000	
174	N07.06.0 40	Nẹp mặt chữ X 4 lỗ, bắc cầu ngắn cho vít 2.0	Độ dày nẹp 1.0mm màu xám, chất liệu Titanium độ 3 TS-3-2 (tiêu chuẩn ASTM-F67) ;	Nhập ngoại	Cái	6	1.280.000	7.680.000	
175	N07.06.0 40	Nẹp mặt thẳng 8 lỗ cho vít 2.0	Độ dày nẹp 1.0mm màu xám, chất liệu Titanium độ 3 TS-3-2 (tiêu chuẩn ASTM-F67);	Nhập ngoại	Cái	52	1.180.000	61.360.000	
176	N07.06.0 40	Nẹp mặt thẳng dùng cho vít 2.0	Độ dày nẹp 1.0mm màu xám, chất liệu Titanium độ 3 TS-3-2 (tiêu chuẩn ASTM-F67) ;	Nhập ngoại	Cái	150	750.000	112.500.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
177	N07.06.0 40	Vít đa trục (CSTL)	Phù hợp cho thanh nẹp dọc lưng đường kính 6.0mm và 6.35mm. Chất liệu: hợp kim titanium Ti6Al4V Eli hoặc tương đương. Đường kính vít: 4.0mm - 10.0mm (bước tăng 0.5mm). Chiều dài thân vít từ 20mm - 120mm tùy theo đường kính vít. Đường kính đầu trên 13.8mm. Góc dao động khoảng 65 độ.	Nhập ngoại	Cái	50	3.800.000	190.000.000	
178	N07.06.0 40	Ốc khóa trong cho vít dùng trong lưng lõi sau	Chất liệu: Titanium Ti6Al4V Eli hoặc tương đương. Đường kính: 10mm. Chiều cao: khoảng 3.2mm, và 6.0 mm	Nhập ngoại	Cái	50	600.000	30.000.000	
179	N07.06.0 40	Nẹp dọc thẳng (lưng ngực)	Thanh nẹp dọc thẳng dùng trong lưng lõi sau. Chất liệu: Titanium Ti6Al4V Eli hoặc tương đương. Đường kính: 6.0mm. Chiều dài: từ 35mm - 500mm.	Nhập ngoại	Cái	20	1.500.000	30.000.000	
180	N07.06.0 40	Ốc khóa trong cho vít cột sống cổ lõi sau	Ốc khóa trong cho vít cột sống cổ lõi sau. Chất liệu: hợp kim titanium Ti6Al4V Eli hoặc tương đương. Đường kính: 7.0mm. Chiều cao: 3.2mm.	Nhập ngoại	Cái	160	600.000	96.000.000	
181	N07.06.0 40	Vít chằm	Vít chằm dùng trong cổ lõi sau, bắt trên nẹp chằm. Chất liệu: hợp kim titanium Ti6Al4V Eli hoặc tương đương. Đường kính mũ vít 6.0 mm, Chiều dài mũ vít 3.0mm. Đường kính vít: 4.5mm. Chiều dài thân vít: 6mm - 18mm	Nhập ngoại	Cái	6	1.400.000	8.400.000	
182	N07.06.0 40	Vít cột sống cổ lõi sau	Vít dùng cho cột sống cổ lõi sau. Chất liệu hợp kim titanium Ti6Al4V Eli hoặc tương đương. Đường kính đầu vít 8.5 mm. Chiều dài mũ vít 10,5 mm. Đường kính vít gồm tối thiểu các loại	Nhập ngoại	Cái	160	4.100.000	656.000.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
			3.5, 4.0, 4.5 mm. Chiều dài vít từ 10 - 60 mm, bước tăng 2mm.						
183	N07.06.0 40	Vít cột sống cổ lồi trước	Vít chất liệu hợp kim titanium Ti6al4v Eli hoặc tương đương. Đường kính vít: 4.0mm ,4,5mm. Chiều dài vít từ 10mm - 20mm . Dùng cho các nếp cổ lồi trước.	Nhập ngoại	Cái	100	850.000	85.000.000	
184	N07.06.0 40	Vít mặt 2.0 các số tự Taro	Vít dài 4,5,6,7,8,9,10,11,13,15,17,19mm, màu xám, đầu mũ vít chữ thập, chất liệu hợp kim Titanium Ti-6Al-4V (tiêu chuẩn ASTM-F136);	Nhập ngoại	Cái	650	205.000	133.250.000	
185	N07.06.0 40	Vít mặt 2.0 các số tự khoan	Vít dài 4,5,6,7mm, màu xám, đầu mũ vít chữ thập, chất liệu hợp kim Titanium Ti-6Al-4V (tiêu chuẩn ASTM-F136);	Nhập ngoại	Cái	50	300.000	15.000.000	
186	N07.06.0 40	Vít neo chặn 2.0	Chất liệu hợp kim Titanium Ti-6Al-4V (tiêu chuẩn ASTM-F136);	Nhập ngoại	Cái	50	690.000	34.500.000	
187	N08.00.0 10	Băng ghim khâu nối dùng cho dụng cụ mổ nội soi loại cong (gập góc) Tri-stapler mạch máu và mô mỏng loại 45mm	Băng ghim cắt khâu dùng cho mổ nội soi ghim chất liệu titanium. Chiều dài băng ghim là 45mm. Băng ghim nội soi loại gập góc dùng cho mạch máu và mô mỏng, 3 hàng ghim so le nhau chiều cao thay đổi mỗi bên với chiều cao ghim mở lằm lượt từ ngoài vào trong là 3mm - 2.5mm - 2mm; Khoảng đóng mô là 1.5mm - 0.88mm. Băng ghim có khả năng gập góc 45 độ và 5 điểm gập góc mỗi bên. Lưỡi dao luôn mới với mỗi đường cắt.	Nhập ngoại	Cái	40	5.150.000	206.000.000	
188	N08.00.0 10	Băng ghim khâu nối dùng cho dụng cụ	Băng ghim cắt khâu dùng cho mổ nội soi ghim chất liệu titanium. Chiều dài băng ghim là 60mm. Băng ghim nội soi loại gập góc dùng cho	Nhập ngoại	Cái	40	5.150.000	206.000.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
		mô nội soi loại cong (gập góc) Tri-stapler cho mô vừa đến dày loại 60mm	mô trung bình/ dày, 3 hàng ghim so le nhau chiều cao thay đổi mỗi bên với chiều cao ghim mở lằm lượt từ ngoài vào trong là 4mm - 3.5mm - 3mm; Khoảng đóng mô là 2.25mm - 1.5mm. Băng ghim có khả năng gấp góc 45 độ và 5 điểm gập góc mỗi bên. Lưỡi dao luôn mới với mỗi đường cắt.						
189	N08.00.0 10	Băng ghim khâu nối dùng cho dụng cụ mô nội soi loại cong (gập góc) Tri-stapler cho mô vừa đến dày loại 45mm	Băng ghim cắt khâu dùng cho mô nội soi ghim chất liệu titanium. Chiều dài băng ghim là 45mm. Băng ghim nội soi loại gập góc dùng cho mô trung bình/ dày, 3 hàng ghim so le nhau chiều cao thay đổi mỗi bên với chiều cao ghim mở lằm lượt từ ngoài vào trong là 4mm - 3.5mm - 3mm; Khoảng đóng mô là 2.25mm - 1.5mm. Băng ghim có khả năng gấp góc 45 độ và 5 điểm gập góc mỗi bên. Lưỡi dao luôn mới với mỗi đường cắt.	Nhập ngoại	Cái	40	5.150.000	206.000.000	
190	N08.00.0 10	Băng đạn khâu cắt nối thẳng dùng trong mô nội soi với thiết kế 3 chiều cao ghim dập khác nhau	Băng đạn dùng cho dụng cụ khâu cắt nối nội soi đa năng công nghệ P3H với thiết kế 3 chiều cao ghim đóng từ thấp đến cao trong cùng 1 băng đạn theo thứ tự: - Chiều cao ghim đóng: + 0.75mm-1.0mm-1.25 mm tương ứng với chiều cao ghim mở 2.0mm-2.5mm-3.0mm trong cùng 1 băng đạn dùng cho mạch máu, mô mỏng đến mô trung bình. + 1.25mm-1.5mm-1.75mm tương ứng với chiều	Nhập ngoại	Cái	20	3.868.000	77.360.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
			cao ghim mở 3.0mm-3.5mm-4.0 mm trong cùng 1 băng đạn dùng cho mô trung bình đến mô dày. - Dao cắt mới trên mỗi băng đạn - Ghim dập bằng titanium, 6 hàng ghim - Chiều dài băng đạn 30mm/ 45mm/ 60mm. - Tương thích với tay súng cùng hãng sản xuất.						
191	N08.00.1 90	Đầu côn xanh 1000 ul	- Làm bằng nhựa PP, không có màng lọc, đầu tip trơn (không khía) hoặc đầu tip sần (có khía) - Thê tích tối đa 1000ul (tương đương 1ml)	Nhập ngoại	Cái	3.000	90	270.000	
192	N08.00.1 90	Đầu côn vàng	- Làm bằng nhựa PP, không có màng lọc, đầu tip sần (có khía) hoặc đầu tip trơn (không khía) - Thê tích tối đa 200ul (tương đương 0.2ml)	Nhập ngoại	Cái	130.000	50	6.500.000	
193	N08.00.2 30	Bộ cảm biến đo huyết áp động mạch và bộ phận cảm biến nhiệt	- Có van khóa, bình theo dõi nhỏ giọt và dây đo huyết áp động mạch có khóa 3 nồng - Cảm biến áp lực: Có phần đường ống trong suốt. - Tốc độ $\geq 3\text{ml/h}$ với áp lực 300mmHg trong túi xả. Tốc độ xả nhanh $\geq 2\text{ml/s}$. - Chiều dài dây đo huyết áp màu đỏ dài 150cm	Nhập ngoại	Bộ	65	3.000.000	195.000.000	
194	N08.00.2 40	Đè lưỡi gỗ	Thành phần cấu tạo: Bằng gỗ Kích thước: $\geq 150\text{mm} \times 20\text{mm} \times 2\text{mm}$ Sản phẩm đã được tiệt trùng bằng khí EO	Trong nước	Cái	1.000	300	300.000	
195	N08.00.2 60	Hemoclip	Clip kẹp mạch máu titan Weck Hemoclip hình chữ V có cấu tạo rãnh hình trái tim giúp clip bám chắc vào mạch máu, chân clip hình tam giác giúp tăng tối đa về mặt tiếp xúc giữa clip và hàm, bỏ hiện tượng rơi clip.	Nhập ngoại	Cái	300	41.000	12.300.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
			- Có lớp để chống dính đặt lên bất cứ khu vực vô trùng nào - Cỡ ML: Chiều rộng 5,33mm, chiều cao 7,51mm, chiều dài clip khi đóng 9,27mm.						
196	N08.00.2 60	Hemoclock	Clip kẹp mạch máu polymer Weck Hemolok các cỡ, không tiêu, không dẫn điện, không ảnh hưởng đến CT, MRI hoặc X-ray. Cơ chế kẹp lạnh, không tỏa nhiệt, không lan nhiệt đến các cấu trúc mô. Cơ chế khóa an toàn với vấu tròn ngậm hàm chắc chắn, gai dọc thân clip với chân bám 360 chống trượt. Cỡ M chiều rộng clip 7,8mm, độ dày clip 2,10mm, kẹp mạch từ 2mm-7mm Cỡ ML chiều rộng clip 10,3mm, độ dày clip 1,96mm, kẹp mạch từ 3mm-10mm Cỡ L chiều rộng clip 14,63mm, độ dày clip 2,49mm, kẹp mạch từ 5mm-13mm Cỡ XL chiều rộng clip 18,03mm, độ dày clip 2,49mm, kẹp mạch từ 7mm-16mm	Nhập ngoại	Cái	2.000	90.000	180.000.000	
197	N08.00.3 30	Mũi khoan xoang loại cong 55 độ	Mũi khoan phá, loại cong 55 độ, đường kính 3.6mm, chiều dài 13cm	Nhập ngoại	Cái	5	9.500.000	47.500.000	
198	N08.00.3 30	Mũi khoan mài hình quả đầu	Dài 9cm, đường kính 7,5mm	Nhập ngoại	Cái	5	2.900.000	14.500.000	
199	N08.00.3 30	Mũi khoan cắt sọ	Mũi khoan cắt sọ, dài 8cm, đường kính mũi cắt 2.3mm	Nhập ngoại	Chiếc	30	2.900.000	87.000.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
200	N08.00.3 30	Mũi khoan mài	Mũi khoan mài dài 9cm đến 14cm, đường kính mũi khoan từ 2.0mm đến 4mm	Nhập ngoại	Cái	10	2.900.000	29.000.000	
201	N08.00.3 30	Mũi khoan mài kim cương	Mũi khoan mài kim cương dài 9cm đến 14cm, đường kính mũi khoan 2mm đến 3.0mm	Nhập ngoại	Chiếc	8	3.000.000	24.000.000	
202	N08.00.3 30	Mũi khoan tạo hình	Mũi khoan tạo hình, dài 8cm, đường kính mũi khoan 1.1mm	Nhập ngoại	Chiếc	8	2.900.000	23.200.000	
203	N08.00.3 30	Mũi khoan tự dừng	Mũi khoan tự dừng, đường kính trong 11mm, đường kính ngoài 14mm	Nhập ngoại	Cái	20	7.500.000	150.000.000	
204	N08.00.3 50	Phin lọc khí dùng cho máy chạy thận nhân tạo	Là bộ phận thiết yếu trong chạy thận nhân tạo - Tác dụng: kháng khuẩn, lọc khí, bảo vệ bệnh nhân và thiết bị khỏi sự lây nhiễm chéo	Nhập ngoại	Cái	2.000	7.500	15.000.000	
205	N08.00.3 80	Bộ gây tê ngoài màng cứng các loại, các cỡ	• Kim đầu cong 18G dài 3 1/4", thân kim có chia vạch. • Catheter bằng polyamid không bị gầy gập, dài 1000mm, có đường cân quang ngầm. • Có bơm tiêm giảm kháng lực giúp xác định màng cứng dễ dàng và chính xác: + rất nhạy, độ ma sát thấp giúp phát hiện khoang màng cứng dễ dàng và chắc chắn. + không có khắc vạch, tránh nhầm với bơm tiêm bình thường. + chất liệu plastic nên không bị vỡ. • Đầu nối catheter dạng nắp bật. • Màng lọc với kích thước lỗ lọc 0.2 micron giúp tiêm thuốc an toàn và vô khuẩn. • Bơm tiêm 20ml, bơm tiêm 3ml và kim tiêm đi	Nhập ngoại	Bộ	100	294.000	29.400.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
			kèm.						
206	N10	K-Y Lubricating Jelly 82G Exp	• Gel bôi trơn được sử dụng để bôi trơn nội soi dạ dày, nội soi đại tràng, nội soi trực tràng, bôi trơn âm đạo... đã được tiệt trùng. Nó không gây ra dị ứng, không gây kích ứng da. Hòa tan được trong nước, dễ dàng làm sạch, không chứa tạp chất, dầu và chất nhờn. Không độc hại và không có mùi hôi. • Thành phần chính: Water; Glycerin; Monopropylene; Glycol; Hydroxyl ethyl cellulose; Methyl; Hydroxybenzoate; Citric Acid	Nhập ngoại	Tuýp	360	65.000	23.400.000	
207	N10	Khẩu trang y tế 3 lớp	- 02 lớp ngoài: Vải không dệt được làm từ polypropylene - Lớp giữa: Vải lọc được làm từ polypropylene đạt tiêu chuẩn, không thấm nước, không độc hại, có tác dụng lọc khí, ngăn cản bụi, vi khuẩn...	Trong nước	Cái	140.000	800	112.000.000	
208	N10	Khẩu trang y tế 4 lớp	- 02 lớp ngoài: Vải không dệt được làm từ polypropylene - 02 Lớp giữa: Vải lọc được làm từ polypropylene đạt tiêu chuẩn, không thấm nước, không độc hại, có tác dụng lọc khí, ngăn cản bụi, vi khuẩn...	Trong nước	Cái	4.000	1.050	4.200.000	
209	N10	Lam kính	Lam thường 7102(kích thước 25.4x76.2mm, dày 1.2mm , hộp 72 miếng)	Nhập ngoại	Miếng	10.000	278	2.780.000	
210	N10	Lamen	Chất liệu thủy tinh borosilicate đảm bảo kháng hóa chất, trong suốt, có thể sử dụng để quan sát dưới kính hiển vi huỳnh quang. Kích cỡ	Nhập ngoại	Miếng	2.000	570	1.140.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
			22x22mm.						
211	N10	Nhiệt kế	Gồm 2 phần: Phần cảm nhận nhiệt độ là bầu đựng thủy ngân và phần hiển thị kết quả là thang chia vạch. Dùng để đo nhiệt độ cơ thể	Nhập ngoại	Cái	400	22.000	8.800.000	
212	N10	Ống thông khí tai các cỡ	Đường kính 1,14mm, đường kính 1,27mm, được làm bằng chất liệu nhựa Fluoroplastic, màu xanh.	Nhập ngoại	Cái	50	240.000	12.000.000	
213	N10	Đèn cồn	Thể tích: 150ml Chất liệu: thân thủy tinh, dây tim và nắp chụp nhựa chịu nhiệt	Nhập ngoại	Cái	2	25.000	50.000	
214	N10	Vòng cấy (Ăng cấy)	Vòng cấy bằng kim loại, không cán. Gắn vào cán sẽ thành vòng cấy hoàn chỉnh	Trong nước	Cái	5	21.000	105.000	
215	N10	Lọ đựng bệnh phẩm nắp đỏ	Lọ nhựa đựng mẫu PS 55ml HTM nắp đỏ, có nhãn	Trong nước	Cái	100	1.300	130.000	
216	N10	Giấy in siêu âm 84mm	Dùng cho các máy in của hãng Sony. Số lượng bản in: 108 bản in. Kích thước: 84mm x 13.5m	Nhập ngoại	Cuộn	200	144.650	28.930.000	
217	N10	Giấy in siêu âm 110mm	Dùng cho các dòng máy in của hãng Sony. Dung lượng: Khoảng 215 bản in cho mỗi cuộn. Kích thước 110 mm x 20 m. Chất lượng cao	Nhập ngoại	Cuộn	350	148.000	51.800.000	
218	N10	Giấy in cỡ 57mm	Kích thước: 57mm x 30m, dùng cho máy in nhiệt nước tiểu.	Nhập ngoại	Cuộn	150	14.000	2.100.000	
219	N10	Giấy điện tim cỡ 63mm	Giấy dùng cho máy điện tim 3 cần Kích thước: 63mmx30mx17mm Màu: Đường kẻ sọc màu đỏ Lõi: bằng nhựa màu đen Dạng cuộn, giấy chất liệu tốt, in kết quả rõ đẹp Đường kính ngoài: = 49mm. Phù hợp các máy: Nihon Koden, Fukuda...	Nhập ngoại	Cuộn	200	24.000	4.800.000	
220	N10	Giấy điện tim	Kích thước giấy: 110mm x 140mm x 142 tờ	Nhập	Tập	300	34.000		

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
		110x2x143 sheet	Giấy dùng cho máy nihon kohden Giấy có dòng kẻ	ngoại				10.200.000	
221	N10	GEL siêu âm	Gel sử dụng trong siêu âm, phù hợp với tần số siêu âm đang sử dụng, Không có formaldehyde Tổng số vi sinh vật khi hiệu <10 CFU/g, tổng số năm <10 CFU/g. Không gây mẩn cảm hoặc rát da. Gel trong, tan hoàn toàn trong nước, PH:6.5-7.5. Vật chất biểu hiện:dạng gel Màu sắc: màu xanh, không màu Mùi vị: không mùi	Trong nước	Lít	450	21.000	9.450.000	
222	N10	Ống soi niệu quản cỡ 9,5 Fr	Ống soi niệu quản cỡ 9,5 Fr. - Đầu chóp của ống tròn nhẵn không gây tổn thương niệu quản - Đường kính ngoài nhỏ tối thiểu - Kênh dụng cụ to tối đa cho phép đưa đồng thời hai dụng cụ, hoặc 1 dụng cụ cỡ 5 Fr. - Hai kênh bên có thể tạo dòng tưới rửa liên tục.	Nhập ngoại	Cái	1	246.000.000	246.000.000	
223	N10	Forceps gấp sỏi cỡ 5 Fr, thân cứng, chiều dài 60 cm, hàm hoạt động kép, sử dụng với ống	Forceps gấp sỏi cỡ 5 Fr, thân cứng, chiều dài 60 cm, hàm hoạt động kép, sử dụng với ống soi niệu quản – bể thận	Nhập ngoại	Cái	1	22.300.000	22.300.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
		soi niệu quản – bể thận							
224	N10	Bộ tay cắt u bàng quang, tiền liệt tuyến, loại cắt chủ động bằng ngón trỏ	Tay cắt u bàng quang, tiền liệt tuyến, loại cắt chủ động	Nhập ngoại	Bộ	1	52.266.000	52.266.000	
225	N10	Xi lạnh hút mảnh cắt REINER – ALEXANDER dung tích 150 ml	Xi lạnh hút mảnh cắt REINER-ALEXANDER, dung tích 150 ml, có đi kèm với một khớp nối với vỏ đặt ống soi.	Nhập ngoại	Cái	1	10.527.000	10.527.000	
226	N10	Forceps gấp giữ quang học, hàm hoạt động kép, dùng để gắp stent Rút JJ)	Forceps gấp giữ quang học, hàm hoạt động kép, dùng để gắp stent Rút JJ)	Nhập ngoại	Cái	1	34.248.000	34.248.000	
227	N10	Forceps sinh thiết quang học	Forceps sinh thiết quang học, hàm hoạt động kép, sử dụng với ống soi hướng nhìn 30 độ	Nhập ngoại	Cái	1	34.248.000	34.248.000	
228	N10	Dây dẫn tia Laser cỡ 550; 600 µm	Dây dẫn Laser, đường kính 600 µm, loại dùng 1 lần	Nhập ngoại	Cái	5	16.930.000	84.650.000	

STT	Thông tư 04/2017/ TT-BYT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
229	N10	Ống nội soi quang học HOPKINS hướng nhìn 30 độ, đường kính 4 mm, chiều dài 30 cm	Ống nội soi quang học HOPKINS hướng nhìn 30 độ, đường kính 4 mm, chiều dài 30 cm, hấp tiệt trùng được bằng hơi nước ở nhiệt độ cao, sử dụng thấu kính hình gậy, phần thị kính Ống soi quang học HOPKINS, góc soi nghiêng 30°, tầm nhìn mở rộng, đường kính 4 mm, dài 30 cm, hấp tiệt trùng được	Nhập ngoại	Cái	1	87.950.000	87.950.000	
230	N10	Vỏ trong của vỏ đặt ống soi cắt loại xoay được, cỡ 26 Fr, có 2 đường dịch vào và ra để tưới rửa liên tục. Vỏ trong có thể xoay được, đầu có vỏ cách điện bằng ceramic	Vỏ trong, xoay được, có bọc cách điện bằng ceramic, sử dụng với vỏ ngoài ống soi cắt đoạn 27050 SC, 26 Fr.	Nhập ngoại	Cái	1	22.124.000	22.124.000	
231	N10	Ống soi niệu quản cỡ 7 Fr	Ống soi niệu quản nhi kèm phụ kiện, bao gồm: - 01 ống soi 27002KP - 01 hộp bảo quản ống soi	Nhập ngoại	Cái	1	265.940.000	265.940.000	
		Tổng cộng: 231 mặt hàng						37.038.826.139	